

■ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**

TS. Đặng Công Huân
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

■ **TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Dương Quốc Huy

■ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Ths. Nguyễn Thị Hoa
Trần Đức Xuyên

■ **TOÀ SOẠN:**

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: **091.863.5289**

● **Phòng Trị sự:**

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

● **Phòng Phóng viên & Biên tập:**

ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabbtt@gmail.com

● **Phòng Truyền thông và Phát hành:**

ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

● **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

■ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

■ **BÌA 1:** Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

Nguyễn Phú Trọng đọc diễn văn kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2020)

■ **ẢNH BÌA 1:** TTXVN

■ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

■ **IN TẠI:** Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

■ **NỘP LƯU CHIẾU:** Tháng 02/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

CHÍNH LUẬN



3 **TS. Trần Thị Hương, Ths. Đỗ Thị Diệp:** Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng trong tình hình hiện nay

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI



7 **TS. Nguyễn Thị Dung:** Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế



11 **TS. Trịnh Văn Toàn:** Nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành Thanh tra

16 **TS. Nguyễn Thị Thu Nga:** Đánh giá chính sách trong chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng (tiếp theo và hết)



20 **Ths. Phạm Thị Phương, Ths. Trần Thị Kim Ngân:** Bàn về vấn đề tố cáo tiếp và giải quyết đối với tố cáo tiếp hiện nay

24 **TS. NCVC Trần Văn Duy, Ths. TTVC Lê Thị Thu:** Một số kinh nghiệm thực tiễn trong tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự



28 **Ths. Nguyễn Phương Vy:** Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

30 **Ths. Nguyễn Thị Bích Hương:** Các phương thức kiểm soát quyền hành pháp của nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay



34 Lam Anh: Nhìn lại một năm triển khai Quyết định số 1849/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ



37 Trần Huy: Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An: “Khắc tinh” xe quá khổ, quá tải

☐ VĂN HÓA - XÃ HỘI



40 Nguyễn Văn Chiến: Tháng Giêng nhưng nhớ bao nhiêu cho vừa

41 Cao Văn Quyền: Ngày đã sang xuân



42 Truyện ngắn của Huỳnh Thị Kim Cương: Trở về...

☐ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT



44 K.Dung: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử

46 Quỳnh An: Văn bản mới ban hành

☐ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

49 TS. Nguyễn Anh Hùng: Thiết chế chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Mỹ



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng trong tình hình hiện nay

 **TS. Trần Thị Hương**

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

 **Ths. Đỗ Thị Diệp**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc thường xuyên của Đảng nhằm bảo đảm cho Đảng luôn vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, lãnh đạo nhân dân. 34 năm đổi mới (1986 - 2020), trải qua các kỳ đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì, nhất quán tư duy, quan điểm xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ sống còn, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng - Nhiệm vụ cần thiết, cấp bách đặt ra từ yêu cầu thực tiễn

Ngay khi bước vào thời kỳ đổi mới, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã yêu cầu: “Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác”⁽¹⁾. Đến Đại hội VII, Đảng chính thức đặt ra vấn đề đổi mới Đảng gắn liền với chỉnh đốn Đảng: “Đảng phải vững

mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo”⁽²⁾. Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó xác định: Đổi mới và chỉnh đốn Đảng tiến hành trên *nguyên tắc* quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.



Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định: “Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn... đây là một quy luật phát triển của Đảng”⁽³⁾. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ban hành Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, trong đó xác định: “Đảng phải có biện pháp phát huy ưu điểm, kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn, để ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ”⁽⁴⁾.

Tại Đại hội IX, khi gắn kết nhiệm vụ xây dựng Đảng với chỉnh đốn Đảng để nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đảng yêu cầu: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đưa cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng thực sự đi vào chiều sâu và trở thành một nội dung thiết thực trong sinh hoạt Đảng.

Tổng kết 20 năm đổi mới đất nước, trên cơ sở làm rõ những yêu cầu mới mà thực tiễn đổi mới đất nước đang đặt ra đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tại Đại hội X, Đảng ta đã xác định rõ phương hướng và mục tiêu tổng quát của công tác xây dựng Đảng: “Tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gần bó với nhân dân”⁽⁵⁾.

Ngày 16/01/2012, tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, trong đó chỉ rõ, “xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc rất khó, rất phức tạp... Khó nhưng không thể không làm, vì nó liên quan đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn

tại vong của chế độ”⁽⁶⁾. Đảng ta xác định phải “tiếp tục tiến hành củng cố, xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần tích cực và kiên quyết hơn, mạnh mẽ hơn”⁽⁷⁾; muốn có được sức mạnh và uy tín thì Đảng phải tự rèn luyện, tự củng cố, đổi mới, chỉnh đốn; không ai có thể làm thay được.

Đến Đại hội XII, Đảng xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng: “Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”⁽⁸⁾. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ, đồng thời là một yêu cầu có tính cấp bách, có ý nghĩa quyết định sự sống còn của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Như vậy, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Đảng ta quan tâm, thường xuyên quán triệt và thực hiện trong toàn Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng đang lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đưa dân tộc ta từng bước đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ rất mới mẻ, to lớn, nặng nề, được thực hiện trong điều kiện có nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Đó là sự biến đổi phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực; xuất phát điểm để đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta thấp; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu; hậu quả nặng nề của chiến tranh vẫn còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển đất nước; trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nhiều hạn chế;

mặt trái của kinh tế thị trường tác động đến cán bộ, đảng viên... Trong khi đó, các thế lực thù địch ra sức chống phá bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, mưu toan chuyển hóa từng bước, làm xói mòn lý tưởng cộng sản, tiến tới làm mất niềm tin của nhân dân vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian qua tuy đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi một bước những tiêu cực, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; tuy nhiên vẫn còn rất nhiều việc phải làm, nhất là đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân... Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”⁽⁹⁾, trong đó biểu hiện cụ thể là phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, dao động, thiếu niềm tin, sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những nhận thức sai, quan điểm lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, háms danh, tham nhũng, lãng phí; bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; phong cách quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân; lối sống xa hoa, hưởng lạc... Đảng ta cũng chỉ rõ “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”⁽¹⁰⁾. Những hạn chế, khuyết điểm trên làm giảm sút



vai trò lãnh đạo của Đảng, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Trước những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, những khuyết điểm còn tồn tại trong một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần được tiến hành toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó lấy “xây” làm chủ đạo.

2. Một số giải pháp tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng

Một là, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận, không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng, của cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở và cán bộ, đảng viên cần chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, lý luận. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng, góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Kiên quyết loại bỏ những tư tưởng, tâm lý “thờ ơ” trước những vấn đề chính trị, lười học tập, lười suy nghĩ, những biểu hiện ngại khó, ngại khổ, lơ là trách nhiệm trong công tác ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nền nếp bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương.

Hai là, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong Đảng, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về tự phê bình và phê bình bằng nhiều hình thức cụ thể, thiết thực. Tăng cường mở rộng dân chủ trong Đảng, đẩy mạnh việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ. Tự phê bình và phê bình phải gắn liền với tăng cường sự lãnh đạo tập trung, giữ nghiêm kỷ luật. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường tuyên truyền, nêu gương đảng viên và tổ chức đảng tích cực phê bình, những người dũng cảm nhận thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm để sửa chữa, khắc phục và phần đầu vươn lên. Định kỳ tổ chức cho quần chúng tham gia góp ý kiến cho tổ chức đảng và đảng viên, nhất là người đứng đầu; cán bộ chủ chốt phải thực sự gương mẫu thực hiện tự phê bình trước nhân dân và tiếp thu ý kiến phê bình của nhân dân đối với mình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ để kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm và xử lý nghiêm minh nếu có vi phạm.

Ba là, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền phải nâng cao nhận thức về tác hại của bệnh quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Nâng cao và phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu địa phương, cơ

quan, đơn vị trong thực thi trọng trách được giao gắn với đấu tranh chống tham nhũng theo Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Có cơ chế để phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ “lợi ích nhóm”, ngăn chặn tình trạng đặc quyền, đặc lợi; xóa bỏ cơ chế “xin - cho”; khắc phục “tư duy nhiệm kỳ”.

Bốn là, thường xuyên giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học tập, nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, “coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”⁽¹¹⁾. Thực hiện nghiêm việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, kiên quyết xử lý kỷ luật đối với những cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, vi phạm kỷ luật. Đồng thời, ban hành các quy chế, quy định và có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và



nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Năm là, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, chống chạy chức, chạy quyền.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt về tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền và Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực trong công tác tổ chức cán bộ thành chính sách, pháp luật; quyền hạn phải được ràng buộc bằng chính sách, pháp luật. Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm. Nếu lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân, tham nhũng, lợi ích nhóm trong công tác cán bộ đều phải xử lý nghiêm minh theo kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước./.

Chú thích:

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.124;
- (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.21;
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.47;

- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.24;
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.279;
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.17;
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.96;
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.217;
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.22;
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.23;
- (11) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Nguyễn Bá Dương, Bùi Quang Cường (Đồng chủ biên), Vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Văn kiện Đại hội XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016;
- 2. Lê Đức Bình, Mấy vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2003;
- 3. Nguyễn Bình, Phạm Hồng Kiên, Một số nội dung về các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (1986-2016), Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5-2019, tr.53-60;
- 4. Đinh Ngọc Giang, Hà Văn Luyến, Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng qua hơn 30 năm đổi mới, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 6-2019, tr.14-19;
- 5. Nguyễn Trọng Phúc, Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số bài học về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 1-2014, tr.14-20.



Ảnh: ST

ĐẢNG LÀ NIỀM TIN

(Chào mừng 90 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam)

Ngày vào Đảng không bao giờ quên
Kỷ niệm đậm sâu đi cùng năm tháng
Một sớm mùa xuân - dưới cờ của Đảng
Tôi đọc lời tuyên thệ Đảng viên!

Nhớ bom rơi, đạn nổ chiến trường
Sự sống chết cận kề gang tấc
Người Đảng viên trong tôi thầm nhắc
Vì nước quên mình chẳng tiếc máu xương

Xin đừng ai chao đảo ngã ba đường
Cơ chế thị trường quên nghĩa tình cách mạng
Tôi vững bước theo con đường của Đảng
Cờ búa liềm vẫy gọi trái tim.

Tôi vinh dự là người Đảng viên
Vì nước, vì dân: Quản chi gian khó
Vượt lên bao lo toan vất vả
Có Đảng quang vinh dìu bước ta lên!

Người Đảng viên - Không bao giờ quên
Ghi khắc trong tim - chói ngời lấp lánh
Đảng chấp cho tôi: Rộng dài đôi cánh
Và cho đời sức mạnh, niềm tin./.

Lê Xuân Đạm



Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

TS. Nguyễn Thị Dung

Viện Nghiên cứu lập pháp

Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” là văn kiện chính trị quan trọng của Đảng trong lĩnh vực xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết ra đời đã đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về việc xây dựng một chiến lược dài hạn, toàn diện với những định hướng và giải pháp lớn, tạo sự phát triển đồng bộ cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

Trong bối cảnh mới hiện nay, trước sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội, việc đánh giá, nhìn lại những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu, giải pháp của Nghị quyết 48-NQ/TW trong công tác xây dựng pháp luật, chỉ ra những hạn chế, bất cập, nguyên nhân và đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế là yêu cầu mang tính thời sự sâu sắc.

1. Những kết quả đạt được trong thực hiện định hướng về đổi mới hoạt động lập pháp theo yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW

Với mục tiêu “xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhận búa đàm nhận chức Chủ tịch AIPA 41 từ Thái Lan

Ảnh: TTXVN

là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”; Nghị quyết số 48-NQ/TW đã đề ra 06 định hướng và 02 nhóm giải pháp về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trải qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, công tác xây dựng pháp luật đã có những bước tiến lớn, hệ thống pháp luật cơ bản đầy đủ, đồng bộ, điều chỉnh các mặt của đời sống kinh tế, xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn. Cụ thể như sau:

Một là, về xác định các lĩnh vực trọng điểm cần ưu tiên đầu tư để xây dựng và hoàn thiện pháp luật

Quán triệt yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW, trong những nhiệm kỳ vừa qua (khóa XI, XII, XIII và đầu nhiệm kỳ khóa XIV), trong các Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ và hằng năm, Quốc hội, Chính phủ đã tập trung xác định rõ thứ tự ưu tiên ban hành văn bản trên mỗi lĩnh vực



phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn để làm cơ sở chỉ đạo việc soạn thảo, thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Để bảo đảm thực hiện Chương trình, các cơ quan của Quốc hội thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ chuẩn bị các dự án, nỗ lực bảo đảm tỷ lệ hoàn thành chương trình nhiệm kỳ. Trong giai đoạn 2005 - 2007, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI đã ban hành 63 luật, pháp lệnh; trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2007 - 2011) ban hành được 81 luật, pháp lệnh, đạt 56,3% so với Chương trình của cả nhiệm kỳ⁽¹⁾; nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII (2011 - 2016), ban hành được 119 luật, pháp lệnh, đạt 81% so với Chương trình của cả nhiệm kỳ. Những cải tiến này giúp cho hoạt động xây dựng pháp luật ngày càng sát với yêu cầu của thực tế. Việc xem xét, đánh giá các dự án trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được thực hiện một cách thận trọng, bảo đảm tính khả thi của chương trình, tăng tính hiệu quả, xác định rõ trách nhiệm trong từng công đoạn của quy trình ban hành văn bản.

Hai là, đổi mới cơ bản quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật

Nghị quyết số 48-NQ/TW chỉ rõ sự cần thiết phải đổi mới cơ bản quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật từ sáng kiến pháp luật đến thông qua luật nhằm đẩy nhanh quá trình soạn thảo, ban hành luật; nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; sớm triển khai phương thức ban hành một luật để sửa đổi nhiều đạo luật liên quan. Thực hiện yêu cầu này, Quốc hội đã ba lần sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào năm 2008, năm 2015 và năm 2019. Theo đó, quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được cải tiến và có những đổi mới quan trọng. Cụ thể là:

- Đổi mới cơ bản việc lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, chuyển từ Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cả nhiệm kỳ sang Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm, bảo đảm

tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội phát triển nhanh chóng của đất nước;

- Thống nhất trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở cả Trung ương và địa phương; giảm hình thức và cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, mỗi cơ quan thuộc hệ thống hành pháp, tư pháp ở trung ương chỉ ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật, làm giảm bớt sự chồng chéo, phức tạp của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

- Đổi mới một cách cơ bản, toàn diện quy trình xây dựng, ban hành văn bản theo hướng tách bạch quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo ở một số loại văn bản; tăng cường tính công khai, minh bạch trong xây dựng, ban hành văn bản; huy động trí tuệ, sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học và nhân dân vào hoạt động xây dựng pháp luật; bổ sung những trường hợp được xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự thủ tục rút gọn;

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bổ sung quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Quy định chặt chẽ hơn việc ban hành văn bản quy định chi tiết. Quy định dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật và phải được ban hành để có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với luật. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực; qua đó, góp phần làm cho việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh kịp thời hơn, nâng cao hiệu lực thực tế của hệ thống pháp luật, từng bước khắc phục tình trạng nợ đọng văn bản, luật có hiệu lực mà chưa được thực hiện do chưa có văn bản quy định chi tiết;

- Bổ sung kỹ thuật một văn bản sửa nhiều văn bản giúp cho việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến nhau trong nhiều văn bản được thực hiện dễ dàng và giảm chi phí trong công tác xây dựng pháp luật. Bên cạnh đó, việc quy định đánh giá dự báo tác động kinh tế - xã hội, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn; kỹ thuật hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật... cũng là những bước tiến mới trong quy trình xây dựng pháp luật được ghi nhận trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 theo yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW.

Ba là, nâng cao trình độ và năng lực làm luật của Quốc hội⁽²⁾

Việc nâng cao trình độ và năng lực làm luật của Quốc hội được nghiên cứu, chủ động thực hiện và đem lại những kết quả tích cực. Đã tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Quốc hội có trình độ, hiểu biết về pháp luật. Theo đó, tỷ lệ đại biểu chuyên trách được tăng dần qua từng nhiệm kỳ Quốc hội: nhiệm kỳ khóa XI có 23,9%; nhiệm kỳ khóa XII có 29,2%; nhiệm kỳ khóa XIII có 30,8%; Nhiệm kỳ khóa XIV tính tới thời điểm tháng 6/2019 có 34,4% đại biểu hoạt động chuyên trách gần đạt tỷ lệ được quy định trong Luật Tổ chức Quốc hội năm 2015. Hầu hết các đại biểu Quốc hội có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, các nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI, XII, XIII, XIV có khoảng 30% đại biểu Quốc hội có bằng cấp chuyên môn về luật. Việc tăng cường tính chuyên nghiệp và tính chuyên môn trong hoạt động của đại biểu Quốc hội đã giúp cho việc thẩm tra, cho ý kiến về các dự án luật, pháp lệnh của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có chất lượng tốt hơn, các quy định của pháp luật ngày càng gắn với thực tiễn cuộc sống và nâng cao tính khả thi.

Bốn là, việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong hoạt động xây dựng pháp luật được



triển khai thực hiện nghiêm túc trên thực tế. Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật ngày càng được bổ sung, nâng cao chất lượng thông qua hệ thống các cơ sở đào tạo lớn.

Năm là, việc hiện đại hóa phương thức và phương tiện xây dựng pháp luật đã không ngừng được tăng cường. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về pháp luật được triển khai xây dựng đồng loạt trên các lĩnh vực, được cập nhật thường xuyên, kết nối liên thông, thông suốt trong môi trường mạng internet toàn cầu, làm cơ sở cho việc triển khai Quốc hội điện tử, Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

Sáu là, pháp luật về Công báo đã được xây dựng, hoàn thiện, theo đó, đã xác lập yêu cầu bắt buộc phải đăng Công báo các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về đăng Công báo từ trung ương đến địa phương. Qua đó, nhằm xác định hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật đăng Công báo, khắc phục tình trạng dồn ứ, chậm và khó xác định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân.

Bảy là, việc ban hành án lệ, tập quán, quy tắc của các hiệp hội nghề nghiệp góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Những hạn chế, bất cập trong đổi mới hoạt động lập pháp theo yêu cầu Nghị quyết số 48-NQ/TW

- *Việc lập và thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh*: Chất lượng của một số đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh chưa cao; tính dự báo của Chương trình còn hạn chế, tình trạng lùi, rút dự án hoặc bổ sung dự án mới vào Chương trình còn diễn ra khá phổ biến. Việc thực hiện một số bước trong trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (tổng kết thực tiễn, phân tích, đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến của đối tượng chịu

tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị) có trường hợp vẫn còn hình thức.

- *Về quy trình xây dựng pháp luật*: Việc gửi dự án luật đến cơ quan thẩm tra vẫn còn nhiều trường hợp chưa bảo đảm tiến độ về thời gian theo luật định; việc cung cấp thông tin về dự án trong một số trường hợp thực hiện chưa tốt, ảnh hưởng đến chất lượng thẩm tra. Các Báo cáo đánh giá tác động có trường hợp còn hình thức. Một số cơ quan của Quốc hội chưa thực sự kiên quyết trong việc xử lý đối với văn bản trình chậm tiến độ, kém chất lượng, không có dự thảo văn bản quy định chi tiết kèm theo. Việc lấy ý kiến về dự án luật, pháp lệnh còn gặp khó khăn và hạn chế cả về thời gian và cách thức.

- *Việc nâng cao năng lực làm luật của Quốc hội bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được cũng còn những mặt hạn chế*. Phần lớn đại biểu Quốc hội là kiêm nhiệm, bộ phận Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội còn mỏng nên chưa tập trung được nhiều nhân lực dành cho công tác xây dựng pháp luật.

- Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, tổ chức Đảng đối với hoạt động xây dựng pháp luật có lúc còn chưa được thường xuyên, có trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Có thể nói, cho đến nay về cơ bản hệ thống pháp luật của nước ta đã đầy đủ, toàn diện, được định hình rõ nét trên tất cả các lĩnh vực, làm nền tảng, cơ sở pháp lý, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Các văn bản pháp luật được ban hành trong giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW đang ngày càng đáp ứng tốt hơn các tiêu chí của hệ thống pháp luật về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân, tạo sự chuyển biến lớn, góp phần tác động tích cực đến sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, ứng phó linh hoạt với các thách thức do

khủng hoảng và suy thoái kinh tế đặt ra, phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

3. Một số kiến nghị tiếp tục tăng cường đổi mới hoạt động lập pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh hiện nay, việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp là vấn đề tiếp tục được đặt ra. Theo đó, hoạt động lập pháp cần tập trung vào các giải pháp sau đây:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, tăng cường tranh luận, phản biện, giám sát, đưa ra các quyết định dưới hình thức luật. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Tăng dần số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lên một tỷ lệ thích hợp hơn trong Quốc hội; giảm tối đa số đại biểu kiêm nhiệm là những người đang làm việc trong các cơ quan hành pháp, tư pháp.

- Tiếp tục phát huy tính chủ động, tích cực, ý thức trách nhiệm và đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; ưu tiên việc hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, bảo đảm tốt hơn quyền tự do dân chủ của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013.

- Khắc phục tình trạng ban hành luật khung, luật ống, tránh tình trạng luật quy định quá cụ thể mà không giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn những vấn đề chưa ổn định, chưa được kiểm nghiệm trên thực tiễn để đảm bảo kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh, bất cập trong quá



trình thi hành, góp phần đảm bảo tính ổn định, hiệu lực lâu dài của luật.

- Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng phân công, phân nhiệm rõ ràng và phát huy tối đa khả năng, trách nhiệm của từng chủ thể, phù hợp với vị trí, vai trò của chủ thể đó trong quy trình lập pháp.

- Nghiên cứu việc đơn giản hóa, giảm bớt tầng nấc văn bản trong hệ thống pháp luật, thu gọn đầu mối cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cần luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Đặc biệt, trong việc quyết định những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, thẩm quyền quyết định về ngân sách của Quốc hội cần phải được khẳng định bằng luật về ngân sách nhà nước hằng năm.

- Áp dụng các thành tựu tiến bộ của công nghệ mới vào quy trình lập pháp. Ứng dụng công nghệ mới về thông tin và khai thác cơ sở dữ liệu toàn diện cũng như với sự hỗ trợ tích cực của trí tuệ nhân tạo, rút ngắn quy trình, tiết giảm thời gian, nâng cao chất lượng phân tích, phản biện về chính sách, đồng thời, xác định rõ thứ bậc ưu tiên và tác động chính sách trong các đạo luật.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát văn bản đảm bảo chất lượng, hiệu quả, kịp thời, chính xác, gắn kết chặt chẽ công tác này với công tác xây dựng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, người hoạt động thực tiễn tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật./.

Chú thích:

(1) Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII có 109 luật, pháp lệnh thuộc Chương trình chính thức, 35 luật, pháp lệnh thuộc Chương trình chuẩn bị;

(2) Nghị quyết số 48-NQ/TW đặt ra yêu cầu: 1. Tăng hợp lý tỉ lệ đại biểu chuyên trách, có trình độ, hiểu biết về pháp luật; 2. Xác lập cơ chế bảo đảm thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của đại biểu Quốc hội; 3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong việc chuẩn bị, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh; 4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn cách thức thảo luận, thông qua luật, pháp lệnh; 5. Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy giúp việc cho Quốc hội trong công tác xây dựng pháp luật; thành lập Viện Nghiên cứu lập pháp của Quốc hội; 6. Tăng cường hoạt động giải thích luật, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

2. Hiến pháp năm 2013;

3. Chính phủ, Báo cáo số 458/BC-CP ngày 09 tháng 10 năm 2019 về sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014 - 2019);

4. Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2016;

6. Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, XIII;

7. Báo cáo số 1065/BC-UBTVQH13 tổng kết hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII (2011 - 2016);

8. Viện Nghiên cứu lập pháp, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 và thành tựu lập pháp trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2016;

9. Viện Nghiên cứu lập pháp, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam - Kế thừa, đổi mới và phát triển, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2017.

ƠN ĐẢNG ĐỜI ĐỜI

Chào mừng 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

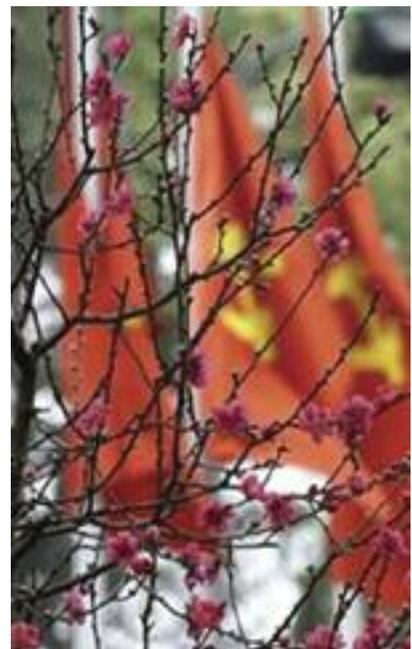
Lòng dân ơn Đảng đời đời
Đảng giải phóng mọi kiếp người cần lao
Nông thôn, thành thị, vùng cao
Lòng dân ơn Đảng - xiết bao nghĩa tình

Đảng vĩ đại, Đảng anh minh
Đảng là độc lập - hòa bình - tự do
Nhớ công ơn Đảng, Bác Hồ
Cho dân áo ấm, cơm no làm người

Mùa xuân ơn Đảng đời đời
Lòng dân, ý Đảng sáng ngời niềm tin
Xuân vui đến với mọi miền
Quê mẹ đất liền tới đảo khơi xa

Đảng là tình yêu bao la
Đảng chấp đôi cánh ước mơ cuộc đời
Đảng trong triệu trái tim người
Bước theo cờ Đảng sáng ngời tương lai!

Lê Hồng Điệp



Ảnh: ST



Nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành Thanh tra

 **TS. Trịnh Văn Toàn**

Phó Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thanh tra



Ảnh: ST

Ngày 08/12/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2213/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với mục tiêu chung là “xác lập địa vị pháp lý của các cơ quan thanh tra phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (PCTN); tăng cường tính tập trung, thống nhất, chủ động và tự chịu trách nhiệm

trong tổ chức và hoạt động của ngành Thanh tra; xây dựng ngành Thanh tra, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thanh tra chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước (QLNN), đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”. Qua đó cho thấy quá trình phát triển ngành Thanh tra luôn gắn với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thanh tra và công tác đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) công chức ngành Thanh tra là một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng để thực hiện giải pháp, nhiệm vụ đặt ra trong Chiến lược.

Đánh giá chung về chất lượng công tác ĐTBD công chức của ngành Thanh tra

Thời gian qua, công tác ĐTBD công chức của ngành Thanh tra đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận như:

(1) Tạo sự chuyển biến trong nhận thức về vị trí, vai trò của công tác ĐTBD và việc nâng cao chất lượng công tác ĐTBD cho công chức ngành Thanh tra;

(2) Xác định nhu cầu, mục tiêu đào tạo bồi dưỡng rõ ràng, các văn bản pháp luật được ban hành, cơ chế chính sách trong lĩnh vực ĐTBD bước đầu đã tạo được hành



lang pháp lý thuận lợi triển khai công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra;

(3) Công tác xây dựng, tổ chức và lập kế hoạch ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra hàng năm được Tổng Thanh tra Chính phủ phê duyệt ban hành kịp thời đã tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho Trường Cán bộ Thanh tra triển khai các khóa bồi dưỡng cụ thể, chi tiết trong từng tháng, quý và cả năm;

(4) Chương trình, tài liệu ĐTBĐ được đổi mới theo hướng tích cực, tập trung bồi dưỡng kỹ năng làm việc và kinh nghiệm thực tiễn về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN từ đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Thanh tra;

(5) Thanh tra Chính phủ, Trường Cán bộ Thanh tra đã củng cố đội ngũ giảng viên được đảm bảo về số lượng và chất lượng nên trình độ đào tạo của giảng viên tham gia giảng dạy là tương đối hợp lý và phù hợp với mặt bằng chung;

(6) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho hoạt động ĐTBĐ;

(7) Hoạt động đánh giá chất lượng ĐTBĐ đã tham mưu tổ chức tốt công tác phối hợp và phát huy ý thức trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị trong nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi toàn ngành;

(8) Công tác quản lý kiểm tra hoạt động ĐTBĐ công chức, viên chức được quan tâm thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Mặc dù vậy, chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của Chiến lược, cụ thể vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay; Tư duy về ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra

chưa phản ánh đầy đủ bản chất của ĐTBĐ, nhất là chưa gắn với yêu cầu phát triển năng lực; Quy trình ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra chưa được thực hiện một cách khoa học; Việc đánh giá kết quả ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra chưa bảo đảm tính toàn diện.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong việc phát triển ngành Thanh tra, lãnh đạo ngành Thanh tra yêu cầu việc nâng cao chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phải hướng tới nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi công vụ nói chung và trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN nói riêng. Đồng thời, công tác này cũng đòi hỏi hệ thống các giải pháp phù hợp với hoạt động ĐTBĐ nói chung và đặc thù ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra; kết hợp với kiện toàn tổ chức, bộ máy của các cơ quan Thanh tra giai đoạn tầm nhìn cần được thực hiện trên cơ sở tổng kết thực tiễn một cách khoa học.

Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành Thanh tra

1. Giải pháp trước mắt về nâng cao chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra.

1.1 Hoàn thiện hệ thống thể chế thống nhất, đồng bộ cho công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra

Thanh tra Chính phủ cần tiến hành rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp nhằm từng bước xây dựng hệ thống thể chế về công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra đồng bộ, thống nhất và hiệu quả. Cụ thể là: Sớm ban hành văn bản quy định tiêu chuẩn đối với công chức thanh tra gắn với

vị trí việc làm trong ngành Thanh tra; Ban hành Quy chế ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phù hợp với tiêu chuẩn công chức ngành Thanh tra; Tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ Trường Cán bộ Thanh tra nhằm đáp ứng năng lực ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra; Ban hành Đề án “xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành Thanh tra trong giai đoạn 2020 - 2025”.

1.2 Cải cách công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra khoa học nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ

Cụ thể: xây dựng kế hoạch ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra hàng năm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành; Đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình, tài liệu ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra theo hướng đa dạng hóa các chương trình, tài liệu bồi dưỡng và nâng cao chất lượng quy trình, phương pháp xây dựng chương trình, tài liệu ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra.

1.3 Xây dựng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy đáp ứng yêu cầu ĐTBĐ nghiệp vụ thanh tra. Cụ thể:

Một là, cần xây dựng khung năng lực giảng viên đáp ứng yêu cầu ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra;

Hai là, rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên hiện có đồng thời tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giảng viên đúng vị trí theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ, khung năng lực giảng viên;

Ba là, tăng cường ĐTBĐ nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, chất lượng giảng dạy;

Bốn là, tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, giảng viên kiêm chức;

Năm là, có chính sách ưu đãi phù hợp hơn cho đội ngũ giảng viên.



1.4 Lựa chọn phương pháp ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phù hợp với hình thức, chương trình bồi dưỡng

Để đổi mới phương pháp ĐTBĐ đối với công chức ngành Thanh tra, cần tập trung vào các giải pháp sau:

(1) Sử dụng những phương pháp ĐTBĐ tích cực, tiên tiến đối với từng đối tượng theo hướng: Không giảng dạy theo kiểu “hàn lâm” mà gắn chặt với thực tiễn, vận dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề thực tế đang đặt ra; phương pháp xử lý các tình huống điển hình, tạo điều kiện để người học chủ động liên hệ, tư duy năng động, sáng tạo vận dụng vào thực tiễn; tăng cường thời lượng tham quan, trao đổi kinh nghiệm thực tế...

(2) Đổi mới phương pháp ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra theo phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm. Nghiên cứu vận dụng những phương pháp ĐTBĐ công chức mới, hiện đại của thế giới như ĐTBĐ tại chỗ và luân chuyển CBCC ở các vị trí chức danh.

1.5 Xây dựng và thực hiện quy trình ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra một cách khoa học

Việc xây dựng quy trình ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra một cách khoa học có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần trực tiếp bảo đảm chất lượng và hiệu quả ĐTBĐ. Quy trình đúng, hợp lý thì chất lượng, hiệu quả ĐTBĐ được nâng cao và ngược lại, quy trình không hợp lý thì chất lượng và hiệu quả của công tác này không được bảo đảm. Một quy trình ĐTBĐ khoa học cho công chức Thanh tra phải bảo đảm 4 thành tố cơ bản sau đây: (1) Xác định nhu cầu ĐTBĐ; (2) Xây dựng kế hoạch ĐTBĐ; (3) Thực hiện kế hoạch ĐTBĐ; và (4) Đánh giá ĐTBĐ.

1.6 Xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phù hợp với đánh

giá năng lực công chức trước, trong và sau ĐTBĐ

Các nội dung, tiêu chí, chỉ báo đánh giá chất lượng ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra bao gồm: (1) Chương trình; (2) Học viên; (3) Giảng viên; (4) Cơ sở vật chất; (5) Khóa bồi dưỡng; (6) Hiệu quả sau bồi dưỡng. Mức độ đạt được của chỉ số đánh giá chung về từng nội dung đánh giá, kết quả đánh giá được phân loại vào các mức tương ứng như sau: (1) Kém; (2) Yếu; (3) Trung bình; (4) Khá; (5) Tốt; (6) Xuất sắc. Căn cứ vào các mức đánh giá trên, Thanh tra Chính phủ, Trường Cán bộ thanh tra và cơ quan sử dụng cán bộ công chức đánh giá chất lượng bồi dưỡng nghiên cứu có những đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng công chức thanh tra; khắc phục những tồn tại, yếu kém về chất lượng chương trình, chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng và nâng cao hiệu quả học tập của học viên.

Ngoài ra, cần áp dụng công cụ, đối tượng lấy ý kiến, quy trình thực hiện và sử dụng kết quả đánh giá được quy định cụ thể tại Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, công tác đánh giá và kiểm tra chất lượng ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra cũng cần áp dụng triệt để theo Bộ chỉ số của Bộ Nội vụ ban hành. Việc đánh giá chất lượng ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phải đảm bảo các nguyên tắc: Có tính giá trị, công bằng và đáng tin cậy.

1.7 Gắn kết chặt chẽ ĐTBĐ với quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức ngành Thanh tra

Một là, thực hiện nghiêm túc các quy định bắt buộc về ĐTBĐ nói chung và ĐTBĐ công chức thanh tra nói riêng.

Hai là, sử dụng kết quả ĐTBĐ vào việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm công chức.

2. Giải pháp lâu dài về nâng cao chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra

Thứ nhất, cần xác định mục tiêu, hình thức, phương pháp ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra, vấn đề phân cấp và đổi mới chương trình ĐTBĐ.

Thứ hai, xác định chế độ ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra, ĐTBĐ phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức thanh tra; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức, phù hợp với kế hoạch ĐTBĐ dài hạn và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn lực cần thiết để tổ chức các cơ quan thanh tra theo hướng tập trung. Tuy nhiên, trong chế độ ĐTBĐ công chức thanh tra cũng cần có sự phân loại đối tượng nhằm thực hiện các cấp độ ĐTBĐ phù hợp với từng đối tượng.

Thứ ba, đổi mới về nội dung ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phù hợp với chức năng giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ tư, quản lý công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra phù hợp với bộ máy cơ quan thanh tra tập trung, thống nhất theo cấp hành chính gồm 2 cấp, cấp Trung ương và cấp tỉnh.

Việc tổ chức cơ quan thanh tra theo hướng tập trung đòi hỏi vai trò của cơ quan thanh tra cấp trên đối với cơ quan thanh tra cấp dưới có sự thay đổi cơ bản, dẫn tới những thay đổi về phương pháp, cách thức quản lý nên cần có kế hoạch ĐTBĐ phù hợp. Cụ thể:

- Thống nhất một đầu mối quản lý công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra; khắc phục tình trạng manh mún, thiếu đồng bộ và chồng chéo như hiện nay.

- ĐTBĐ nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ công chức ngành Thanh tra, trước hết là trách nhiệm của cơ quan, đơn



vị sử dụng công chức. Do vậy, việc quyết định ai đi học? Học cái gì? Học ở đâu... phải do Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, thành phố sử dụng công chức quyết định. Vì vậy, Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông báo công khai nội dung, chỉ tiêu của khóa học và nhu cầu ĐTBĐ công chức, viên chức của đơn vị; tổng hợp danh sách, tổ chức xét chọn, cử công chức, viên chức đi học; sau khi cử công chức, viên chức đi học, gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ (Vụ Tổ chức cán bộ) để theo dõi, quản lý.

- Trao quyền được lựa chọn chương trình, nội dung ĐTBĐ theo nhu cầu công việc, yêu cầu vị trí việc làm cho công chức.

- Nâng cao năng lực quản lý ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra của các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, thành phố; năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng và phương pháp quản lý cho công chức tham mưu quản lý công tác ĐTBĐ của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, thành phố.

Năm là, tổ chức ĐTBĐ và giảng viên gắn với đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan thanh tra.

Có thể nói, chất lượng của đội ngũ công chức ngành Thanh tra là nhân tố quan trọng, quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ ngành Thanh tra và góp phần xây dựng phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở nghiên cứu khoa học về nâng cao chất lượng ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra, tác giả đã đưa ra một số giải pháp trước mắt, giải pháp lâu dài cũng như một số kiến nghị mang tính xây dựng nhằm nâng cao chất lượng ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra theo yêu cầu của Chiến lược như sau:

* Đối với Chính phủ

Sớm trình Quốc hội Luật Thanh tra (sửa đổi): Việc hoàn thiện pháp luật về thanh tra phải bám sát thực tiễn đất nước, nhu cầu của nhân dân và yêu cầu của quản lý, điều hành; quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân; xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; bám sát các định hướng, mục tiêu và lộ trình trong Chiến lược phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030^(*); phù hợp với quá trình đổi mới hệ thống chính trị, cải cách hành chính. Trong đó, khắc phục những bất cập về công tác cán bộ của ngành Thanh tra, trong đó có công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra như sau:

- Biên chế công chức của ngành Thanh tra được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của ngành Thanh tra từ Trung ương đến địa phương. Nghiên cứu quy định tối thiểu về cơ cấu tổ chức và biên chế của ngành Thanh tra từ Trung ương đến địa phương có cơ sở cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu và có cơ chế cạnh tranh vị trí việc làm để nâng cao chất lượng đội ngũ công chức Thanh tra và tiến tới bỏ chế độ “biên chế suốt đời”, phát huy hiệu quả, hiệu lực của ngành Thanh tra.

- Cần rà soát, sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn thanh tra viên, tiêu chuẩn công chức của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; tiêu chuẩn Chánh thanh tra, Phó chánh thanh tra, tiêu chuẩn Trưởng đoàn thanh tra cho phù hợp với yêu cầu hiện nay.

- Xem xét sửa đổi, điều chỉnh các quy định về tiêu chuẩn ngạch, bậc, điều kiện thi nâng ngạch, chuyển ngạch thanh tra phù hợp với các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, nâng ngạch, chuyển ngạch của cán bộ, công chức do Bộ Nội vụ

quy định; xem xét điều chỉnh quy định về chế độ hưởng phụ cấp thâm niên nghề cho phù hợp với thực tiễn.

- Quy định, hướng dẫn chi tiết về căn cứ, trường hợp trưng tập cộng tác viên tại các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (TTCN); tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên thanh tra trong các cơ quan Thanh tra Nhà nước.

- Quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý đội ngũ công chức Thanh tra theo hướng tập trung thống nhất bảo đảm tính chuyên nghiệp, kỷ cương, trách nhiệm.

* Thanh tra Chính phủ

Vụ Tổ chức Cán bộ phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính phủ xây dựng và ban hành chính sách ĐTBĐ trong ngành Thanh tra, cụ thể:

- Xây dựng Thông tư ĐTBĐ ngành Thanh tra hướng dẫn điều kiện, tiêu chí để Trường Cán bộ Thanh tra tổ chức bồi dưỡng;

- Xây dựng và tổng hợp danh mục hệ thống vị trí việc làm trong ngành Thanh tra làm căn cứ pháp lý để nâng cao chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra gắn với vị trí việc làm theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Đây là cơ sở cốt lõi để đạt được mục tiêu công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra đến năm 2025 là: xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, vị trí việc làm và khung năng lực...

- Xây dựng Đề án xây dựng Học viện Thanh tra;

- Xây dựng Đề án nguồn nhân lực cao cho ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn 2025 theo định hướng của Chiến lược phát triển ngành Thanh tra;

- Xây dựng chiến lược, đề án phát triển ĐTBĐ nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Thanh tra;



- Xây dựng Đề án về nhu cầu ĐTBĐ nội dung giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng các quy định về vấn đề này trong Luật Thanh tra sửa đổi;

- Xây dựng Kế hoạch ĐTBĐ nâng cao năng lực, trình độ và phương pháp sư phạm cho giảng viên tham gia ĐTBĐ cho công chức ngành Thanh tra;

- Xây dựng quy tắc văn hóa ứng xử trong ngành Thanh tra;

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trường Cán bộ Thanh tra, Trung tâm Nha Trang; tăng cường ĐTBĐ trình độ công nghệ thông tin trong đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa trong hoạt động của các cơ quan thanh tra.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng kết quả ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra.

Nâng cao chất lượng công tác ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra là đòi hỏi của đội ngũ công chức ngành Thanh tra, là yêu cầu của vị trí việc làm, là vấn đề quan trọng đặc biệt, do vậy cần có sự tham gia của nhiều yếu tố trong đó sự nỗ lực của Trường Cán bộ Thanh tra với tư cách là cơ sở ĐTBĐ của ngành và sự quan tâm, chỉ đạo, đầu tư của Thanh tra Chính phủ là yếu tố có vai trò quyết định.

** Trường Cán bộ Thanh tra*

Thứ nhất, xây dựng khung chương trình, tài liệu bồi dưỡng phù hợp với tình hình hiện nay, như các chương trình, tài liệu bồi dưỡng: hướng dẫn tập sự đối với công chức trong thời gian tập sự; bồi dưỡng ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp; bồi dưỡng công chức thanh tra trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm đối với công chức ngành Thanh tra. Trong đó, chương trình, tài liệu này cần chú trọng xây dựng nhằm đảm bảo

bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên từ cơ bản đến nâng cao.

Thứ hai, phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính phủ xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng theo hình thức luân chuyển, biệt phái công chức ngành trong hệ thống các cơ quan thanh tra nhà nước để đào tạo, rèn luyện qua các môi trường công tác, các lĩnh vực công tác.

Thứ ba, kết hợp hài hòa các hình thức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tăng cường tổ chức các khóa ĐTBĐ công chức ngành Thanh tra theo vị trí việc làm góp phần hoàn thiện chế độ công chức, công vụ trong ngành Thanh tra, đảm bảo: đến năm 2020, 100% công chức ngành Thanh tra đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; đảm bảo hàng năm ít nhất 80% công chức ngành Thanh tra được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.

Hàng năm có tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm nhằm hoàn thiện công tác ĐTBĐ theo vị trí việc làm trong ngành Thanh tra.

Thứ tư, xây dựng khung chương trình, tài liệu bồi dưỡng nội dung giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng các quy định về vấn đề này trong Luật Thanh tra sửa đổi. Chương trình bồi dưỡng này nhằm “thử nghiệm” cho việc tiến tới chuyển mạnh hướng hoạt động của các cơ quan thanh tra sang thực hiện giám sát, đánh giá hành chính. Qua đó giúp cho công chức thanh tra có sự thích ứng chủ động cũng như cũng thấy được tính thực tiễn của vấn đề để có thể xây dựng các quy định cụ thể trong dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi vào năm tới

Thứ năm, phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính

phủ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Đồng thời, tham mưu cho các cấp có thẩm quyền trong xây dựng chương trình rà soát, đánh giá, ĐTBĐ và sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Thứ sáu, xây dựng khung năng lực và sắp xếp giảng viên theo vị trí việc làm.

Thứ bảy, phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính phủ xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng ĐTBĐ cho công chức ngành Thanh tra. Đặc biệt là đánh giá sau ĐTBĐ gắn với sử dụng công chức.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, Trường Cán bộ Thanh tra cần nâng cao nhận thức về trách nhiệm và chủ động trong đề xuất và xây dựng kế hoạch cho việc ĐTBĐ nói chung và kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thanh tra bắt buộc hàng năm nói riêng để đưa các văn bản quy phạm pháp luật ĐTBĐ về công chức, công vụ sớm đi vào cuộc sống, vừa góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức ngành Thanh tra.

** Đối với Bộ, ngành, địa phương và đội ngũ công chức ngành Thanh tra*

Bộ, ngành, địa phương cần quan tâm và chỉ đạo tích cực đối với công tác ĐTBĐ công chức ngành thanh tra nhất là ĐTBĐ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thanh tra bắt buộc hàng năm. Cử công chức tham gia ĐTBĐ đúng đối tượng.

Đội ngũ công chức ngành Thanh tra cần nâng cao nhận thức về trách nhiệm trong việc tham gia các khóa ĐTBĐ nói chung và ĐTBĐ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thanh tra bắt buộc hàng năm nói riêng./.

Chú thích:

(*) Quyết định số 2213/QĐ-TTg, ngày 08/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.



Đánh giá chính sách

TRONG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Tiếp theo và hết)

 **TS. Nguyễn Thị Thu Nga**

Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra

Một số hạn chế trong việc thực hiện nội dung chính sách của Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng (PCTN)

Thứ nhất, hệ thống văn bản cụ thể hóa các giải pháp, công cụ chính sách còn chưa cụ thể hóa những giải pháp đã được Chiến lược đưa ra để triển khai thực hiện như về công khai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, minh bạch trong ban hành quyết định hành chính, cải cách chế độ công vụ, thu hồi tài sản tham nhũng, đảm bảo tính độc lập của cơ quan chuyên trách trong PCTN, cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, khắc phục sự chồng chéo trong công tác thanh tra, kiểm toán, tiếp nhận, xử lý thông tin về tham nhũng.

Thứ hai, nhiều văn bản pháp luật cụ thể hóa các giải pháp, công cụ chính sách qua quá trình thực hiện, sơ kết, tổng kết đã bộc lộ hạn chế, bất cập nhưng việc sửa đổi, bổ sung, khắc phục còn chậm; việc cụ thể hóa các biện pháp phòng ngừa tham nhũng khi xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội chưa được chú trọng đúng mức. Trong danh mục có 70 nhiệm vụ cụ thể về xây dựng thể chế của Chiến lược đã hoàn thành 38 nhiệm vụ, còn 32 nhiệm vụ đang triển khai, trong đó có 05 nhiệm vụ chậm tiến độ so với kế hoạch và 04 nhiệm vụ có vướng mắc, khó khăn cần được xem xét để điều chỉnh cho phù hợp, bao gồm: Đề án nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động thanh tra với tổ chức và hoạt



Tổng Thanh tra Chính phủ Việt Nam Lê Minh Khái và ông Charles Duchaine, Thẩm phán, Giám đốc Cơ quan phòng, chống tham nhũng Cộng hòa Pháp ký kết bản ghi nhớ hợp tác.

động kiểm tra của Đảng; Đề án truyền thông về PCTN đến năm 2020; Đề án kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; Đề án nghiên cứu học tập việc thực hiện điều tra đặc biệt của các nước; Xây dựng quy định áp dụng điều tra đặc biệt quản lý theo quy trình chặt chẽ. Các văn bản cụ thể hóa giải pháp của Chiến lược về cải cách tổ chức bộ máy, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, đảm bảo đời sống của cán bộ, công chức, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, thu hồi tài sản tham nhũng, phát huy vai trò của người dân thông qua tố cáo, phản ánh về tham nhũng còn hạn chế.

Thứ ba, năng lực về tài chính, nhân sự, công cụ kỹ thuật của nền hành chính, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng hết yêu cầu của một số giải

pháp, công cụ chính sách. Cụ thể, một số giải pháp, công cụ khó bố trí nguồn lực để triển khai, trình độ công nghệ thông tin của cán bộ công chức hạn chế khiến các giải pháp, công cụ chính sách không thể thực hiện đồng bộ như hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, giải quyết các thủ tục hành chính, minh bạch hoạt động thanh toán, đấu thầu, trang bị các thiết bị hiện đại vào việc quản lý hồ sơ, tài liệu, điều tra, xác minh. Đơn cử như giải pháp kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức hiện nay chưa có cơ sở dữ liệu chung, kê khai bằng bản giấy, không được quản lý thống nhất và xem xét cụ thể về tính trung thực của bản kê khai, chưa có biện pháp để xử lý hữu hiệu nên giải pháp này chỉ mang tính hình thức, không góp phần hiệu quả vào việc minh



bạch tài sản, thu nhập và xử lý hành vi tham nhũng của cán bộ công chức. Thiếu kinh phí, kỹ thuật trong hợp tác quốc tế về PCTN. Đặc biệt là việc thiếu kinh nghiệm, kỹ năng ngoại ngữ để làm việc, tiếp cận, nghiên cứu các mô hình chính sách khác biệt là trở ngại đối với cán bộ, công chức khi tham gia hợp tác quốc tế về PCTN, nhất là về thu hồi tài sản tham nhũng, hợp tác chuyển giao người bị kết án, vụ án hình sự, điều tra chung, kỹ thuật điều tra đặc biệt.

Thứ tư, hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách còn thiếu chặt chẽ, hiện đại, chưa coi trọng vai trò phản biện của xã hội. Chúng ta chưa có chỉ số, tiêu chí đánh giá quốc gia và những cuộc tự điều tra, khảo sát quy mô lớn mà chủ yếu là kết quả khảo sát của các tổ chức quốc tế. Vì vậy, chưa tận dụng hết thông tin về những vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân mâu chốt gây ra các yếu kém, thất bại của chính sách để điều chỉnh kịp thời hơn. Cho tới tháng 6/2016, qua hai giai đoạn của Chiến lược, Việt Nam mới ban hành “Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN đối với UBND cấp tỉnh”⁽¹⁾. Việc đánh giá của cơ quan nhà nước bằng con đường văn bản hành chính còn nhiều hạn chế. Các báo cáo làm nổi bật kết quả đạt được nhưng những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân chưa được phân tích kỹ lưỡng, chưa phản ánh thật đầy đủ, toàn diện thực trạng. Báo cáo cũng chưa chỉ ra được cơ quan, đơn vị, địa phương nào làm tốt và nhất là cơ quan, đơn vị, địa phương nào chưa làm tốt công tác PCTN. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế qua các năm có hiện tượng lặp đi lặp lại trong khi chưa đưa ra được những cảnh báo, biện pháp và lộ trình khắc phục hạn chế một cách cụ thể.

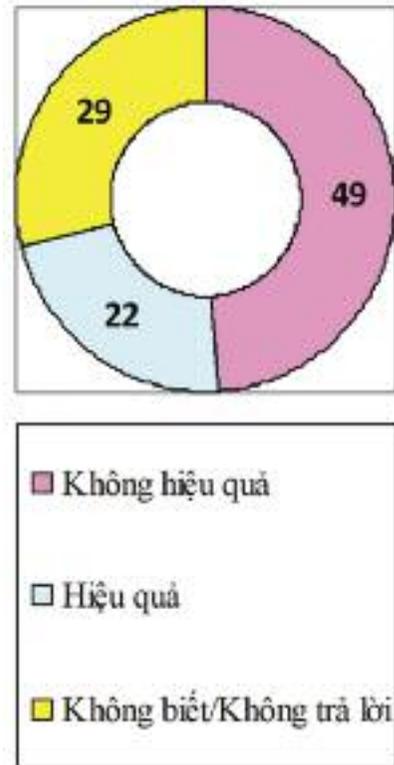
Giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của Chiến lược cũng không có tổng kết, đánh giá một cách chính thức mà lồng ghép vào quá trình tổng kết thi hành Luật PCTN và Nghị quyết 82 của Chính phủ, việc tổng kết chủ yếu đánh giá việc thực hiện kế hoạch ban hành các văn bản thể chế, việc thực hiện các giải pháp cụ thể mà chưa có đánh giá tổng thể

việc đạt được mục tiêu theo giai đoạn, các giải pháp, công cụ của chính sách theo các tiêu chí đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, hiệu lực, hiệu quả để có được cái nhìn bao quát nhất nhằm đưa ra những điều chỉnh vĩ mô kịp thời thay vì chỉ tập trung vào sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể. Vì vậy, khó giải quyết được tận gốc những hạn chế đặt ra.

Các tổ chức xã hội, người dân, doanh nghiệp còn thiếu thông tin và con đường thuận lợi để có thể giám sát và đưa ra những góp ý trực tiếp mang tính chính thống, có hiệu lực với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh chính sách, một số phản hồi cũng chưa được cơ quan nhà nước tiếp thu một cách nhanh chóng và cầu thị. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc vẫn mang tính hình thức, chưa tạo ra được tiếng nói phản hồi mạnh mẽ đối với việc hoàn thiện chính sách.

Thứ năm, cho tới thời điểm này, mục tiêu chính sách vẫn chưa đạt được ở mức độ đáng ghi nhận, mặc dù chỉ còn 01 năm nữa là kết thúc Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020. Khẩn trương này được căn cứ trên: (1) *Đánh giá chính thức của Chính phủ*: Nghị quyết số 126/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác PCTN đến năm 2020 ngày 29/11/2017 thừa nhận: “Công tác PCTN vẫn chưa đạt yêu cầu và mục tiêu ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng. Tham nhũng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên diện rộng, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong nhân dân”; (2) *Kết quả khảo sát đánh giá của các tổ chức quốc tế*: Theo Báo cáo phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu (GCB) năm 2017, khi được hỏi Chính phủ hiện thời đang chống tham nhũng trong nội bộ như thế nào, 60% trả lời “kém”. Tỷ lệ này chỉ thấp hơn Campuchia (62%) và Malaysia (65%) và mức trung bình của các nước ASEAN là 49%⁽²⁾. Kết quả khảo sát PAPI 2018 cho thấy tham nhũng được cảm nhận có тенден giảm nhưng vẫn là một trong những vấn đề mà người dân Việt Nam quan ngại nhất trong năm 2018⁽³⁾.

Đánh giá của người dân về hiệu quả các hành động PCTN của Chính phủ theo GCB 2017



Một số khuyến nghị

Một là, điều chỉnh mục tiêu chính sách trong Chiến lược cho giai đoạn tiếp theo:

Phòng ngừa là mục tiêu mang tính lâu dài và cần được tiến hành trong mọi giai đoạn với các giải pháp, công cụ phù hợp với nền tảng kinh tế - xã hội, năng lực của nền hành chính... Tuy nhiên, với thực tế một nền công vụ chưa phát triển, để các giải pháp phòng ngừa phát huy tác dụng tức là hoàn thành việc xây dựng một nền công vụ minh bạch, hiệu quả thì phải mất thời gian khá dài khi các yếu tố nền tảng được hoàn thiện. Hơn nữa, dự báo mức độ cải thiện ở phía trên trong khoảng 10 năm tới đã cho thấy các yếu tố chất lượng pháp luật, minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả của Chính phủ... sẽ vẫn còn nhiều hạn chế. Do đó, mục tiêu phòng ngừa sẽ còn cần một lộ trình dài hơi để có thể hoàn thành việc thiết lập một nền công vụ “đề kháng” cao với tham nhũng. Trước tình hình tham nhũng tiếp tục



phức tạp, phổ biến, thực tế kém hiệu lực, hiệu quả của chính sách trong một thời gian dài do sai lầm trong việc xác định mục tiêu trọng tâm, chưa coi trọng đúng mức việc phát hiện, xử lý tham nhũng để thiết lập ra các giải pháp, công cụ đủ mạnh; dựa trên những cải thiện tích cực đạt được từ năm 2016 đến nay khi điều chỉnh trọng tâm, đẩy mạnh mục tiêu phát hiện, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng đã cho thấy Việt Nam cần phải xác lập mục tiêu trọng tâm vào phát hiện, xử lý tham nhũng cho giai đoạn tiếp theo. Mục tiêu phải nhấn mạnh đến tính cấp bách của việc phát hiện và xử lý tham nhũng, thể hiện cao nhất quyết tâm trừng trị những người có hành vi tham nhũng, không nể nang, né tránh, tạo ra tính răn đe để ngăn ngừa hành vi tham nhũng. Thiết nghĩ, với tình hình tham nhũng phổ biến, nền công vụ chưa hoàn thiện, chống tham nhũng một cách cương quyết, nghiêm minh là cách thức nhanh nhất để góp phần ngăn ngừa tham nhũng. Các chuyên gia cũng chỉ ra rằng, không có biện pháp tuyên truyền nào có sức mạnh to lớn đối với xã hội và có tác dụng ngăn ngừa tham nhũng bằng việc hành vi tham nhũng được xử lý nghiêm minh. Bên cạnh đó, vẫn xác định phòng ngừa tham nhũng là mục tiêu mang tính thường xuyên, lâu dài.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể phải logic với nhau. Trọng tâm phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng cần được khẳng định rõ ràng ở mục tiêu chung và cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể để làm căn cứ xác lập các giải pháp và công cụ quyết liệt hơn, mạnh mẽ hơn hiện nay, nhất là trong việc thiết lập ra thiết chế với thẩm quyền điều tra, truy tố đủ mạnh để phát hiện, điều tra, truy tố hành vi tham nhũng. Hơn nữa, mục tiêu cần phải được cụ thể hóa trong Chiến lược nhưng do một chủ thể ban hành với hiệu lực pháp lý cao hơn so với Chính phủ, có thể là Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo cao hơn trách nhiệm thực hiện của cơ quan nhà nước.

Các mục tiêu liên quan đến phòng ngừa cũng cần xem xét lại cho phù hợp với

thực tế để đảm bảo khả năng hoàn thành tối đa khi kết thúc giai đoạn chính sách, tránh việc đề ra những mục tiêu quá lý tưởng so với thực tế nền công vụ, không có tính khả thi, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với các tuyên bố của Chính phủ. Đơn cử như thay vì đề ra mục tiêu: *"Làm triệt tiêu các điều kiện và cơ hội phát sinh tham nhũng"*, *"xây dựng nền công vụ hiệu quả, minh bạch"*, có thể đưa ra các mục tiêu bớt lý tưởng hơn như: *"Giảm thiểu các điều kiện và cơ hội phát sinh tham nhũng"*, *"xác lập các nền tảng cần thiết của nền công vụ hiệu quả, minh bạch"*. Bởi vì, khi đã đề ra các mục tiêu và có lộ trình triển khai thì mục tiêu không phải là trạng thái lý tưởng cuối cùng mà là trạng thái lý tưởng nhất có thể thực hiện được trong giai đoạn đó trên cơ sở tính toán các điều kiện cho phép. Việc đánh giá cũng phải dựa trên việc có hoàn thành được hệ thống các mục tiêu đề ra hay không. Về nhận thức, Việt Nam cũng cần chú trọng nhiều hơn đến những vấn đề mang tính vĩ mô như vậy trong việc hoạch định và xây dựng nội dung chính sách vì lâu nay Việt Nam thường tập trung vào những nội dung, quy định cụ thể nhưng đôi khi thất bại của chính sách lại xuất phát từ chính những mục tiêu chiến lược không phù hợp, khả thi với thực tế vấn đề chính sách.

Hai là, thống nhất mục tiêu, giải pháp và công cụ của chính sách phòng, chống tham nhũng:

Mục tiêu cụ thể về thiết lập hệ thống đo lường, giám sát tham nhũng chưa được thể chế hóa thành các giải pháp, công cụ cụ thể trong hệ thống giải pháp, công cụ mà Chiến lược quốc gia đưa ra. Chính vì vậy, cần phải bổ sung vào các giải pháp, công cụ và cụ thể hóa bằng việc ban hành quy định trong một văn bản thể chế cụ thể hoặc ban hành văn bản thể chế riêng. Bên cạnh đó, bổ sung các giải pháp, công cụ mới liên quan đến mục tiêu phát hiện, xử lý tham nhũng và điều chỉnh các giải pháp, công cụ về phát hiện, xử lý tham nhũng để tăng thêm hiệu lực và hiệu quả của chính sách. Không

chỉ nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng mà cần bổ sung thiết chế hữu hiệu có thẩm quyền đủ mạnh cho công tác này, khắc phục tình trạng chỉ thiên về phòng ngừa mà bỏ ngỏ khía cạnh chống tham nhũng.

Ba là, bổ sung các giải pháp chính sách trong Chiến lược:

Bổ sung giải pháp chính sách hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực lẫn nhau trong bộ máy nhà nước để giảm thiểu nguy cơ tham nhũng, đặc biệt là tham nhũng chính sách trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện để cụ thể hóa cơ chế "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" theo quy định tại Điều 2 của Hiến pháp năm 2013 trong tổ chức và hoạt động của bộ máy các cơ quan nhà nước; Bổ sung giải pháp chính sách kiểm soát xung đột lợi ích trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ công chức để phòng ngừa tham nhũng;

Bốn là, cụ thể hóa kịp thời một số giải pháp, công cụ chính sách đã được nêu ra trong Chiến lược nhưng hiện nay chưa được thể chế hóa cụ thể để triển khai thực hiện như về công khai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, minh bạch trong ban hành quyết định hành chính, cải cách chế độ công vụ, chính sách tiền lương, thu hồi tài sản tham nhũng, đảm bảo tính độc lập của cơ quan chuyên trách trong PCTN, cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách... và một số văn bản chưa được hoàn thành đúng thời hạn yêu cầu như: Nghiên cứu kết hợp tổ chức, hoạt động thanh tra với tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng; Đề án truyền thông về PCTN đến năm 2020...

Năm là, hoàn thiện hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá thông qua việc:



Xây dựng và bổ sung tiêu chí, chỉ số đánh giá quốc gia về tình hình tham nhũng, về chính sách PCTN. Tiêu chí đánh giá chính sách PCTN phải giúp xác định về sự đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, hiệu lực của các giải pháp, công cụ chính sách và hiệu quả mang lại. Đa dạng hóa hình thức đánh giá thay vì chỉ tập trung vào các báo cáo tổng kết bằng cách tự tiến hành những cuộc điều tra, khảo sát quy mô lớn trên cả hai đối tượng là cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong các báo cáo khảo sát, đánh giá, phát huy vai trò phản biện của xã hội đối với chính sách. Khảo sát, đánh giá cần chú trọng đến việc nắm bắt những vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân gây ra các yếu kém, thất bại của chính sách từ những vấn đề mang tính vĩ mô, để có được những điều chỉnh kịp thời cả về tổng thể mục tiêu, giải pháp, công cụ chính sách.

Báo cáo đánh giá cần phân tích kỹ lưỡng hơn những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, những kiến nghị cụ thể để khắc phục, trong đó có kiến nghị về điều chỉnh nội dung chính sách, đưa ra cảnh báo kịp thời các cơ quan, địa phương làm chưa tốt trong từng kỳ báo cáo để tránh tình trạng có những hạn chế nêu lại từ năm này qua năm khác mà không được giải quyết. Bổ sung phần giải trình cụ thể về việc thực hiện và giải quyết những kiến nghị, cảnh báo đã được chỉ ra trong báo cáo kỳ trước đó để quán triệt và ràng buộc trách nhiệm cao hơn của các cơ quan trong triển khai. Hàng năm, việc bình xét thi đua, khen thưởng phải đánh giá cả tiêu chí hiệu quả công tác PCTN. Công khai kết quả đánh giá, các khuyến nghị, cảnh báo để người dân nắm được và tham gia giám sát, phản hồi ý kiến. Xây dựng cơ chế để các tổ chức xã hội, người dân, doanh nghiệp có thể giám sát và đưa ra những góp ý trực tiếp mang tính chính thống, có hiệu lực với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh chính sách. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước cũng cần tận dụng những kết quả đánh giá và khuyến cáo của các tổ chức quốc tế, tổ chức ngoài nhà nước đối với chính sách PCTN, khuyến khích, tạo điều kiện tối đa cho họ thực hiện các đánh giá, khảo sát để đưa ra các khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Trên cơ sở các báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước, các đánh giá, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, các ý kiến phản hồi của xã hội, hàng năm Chính phủ cần chỉ đạo giao trách nhiệm tổng hợp toàn bộ các hạn chế, vướng mắc trong nội dung chính sách và các kiến nghị, khuyến nghị sửa đổi, bổ sung để giao cho đơn vị có trách nhiệm tiến hành nghiên cứu, kịp thời đưa ra trình Chính phủ phương án điều chỉnh phù hợp để đảm bảo tối đa khả năng hoàn thành mục tiêu của chính sách, thậm chí là điều chỉnh mục tiêu chính sách trong từng giai đoạn cụ thể./

Chú thích:

- (1) Thanh tra Chính phủ (2016), Quyết định số 1426/QĐ-TTCP ngày 6/6/2016 về việc phê duyệt “Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với UBND cấp tỉnh”;
- (2) Minh bạch quốc tế (2017), Phong vũ biểu toàn cầu: Việt Nam 2017;
- (3) Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) (2018), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018.

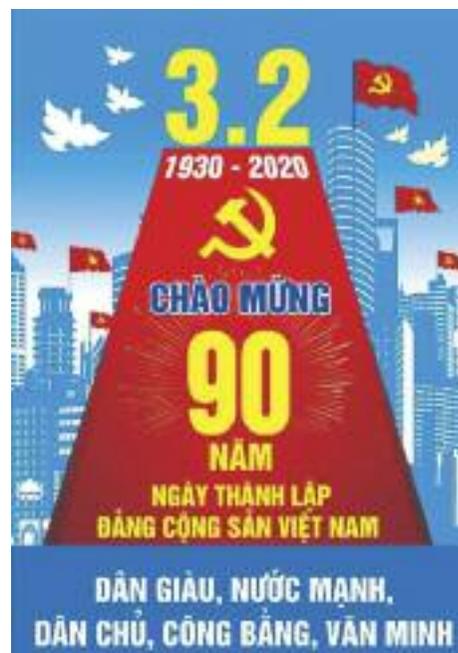
**MỪNG ĐẢNG
90 MÙA XUÂN**

Mừng Đảng tròn 90 mùa xuân
Hết lòng vì nước, vì nhân dân
Vượt qua năm tháng bao gian khó
Bão tố, phong ba chẳng chùn chân

Mừng Đảng tròn 90 mùa xuân
Thường xuyên rèn đạo đức, chuyên cần
Cần kiệm, liêm chính đặt trên hết
Làm tấm gương soi khắp xa gần

Mừng Đảng tròn 90 mùa xuân
Dựng xây đất nước đẹp, phồn vinh
Xuân qua, xuân đến vui cùng Đảng
Một lòng dân, Đảng trọn nghĩa tình!

Lê Hoài Minh



Ảnh: ST



Bàn về vấn đề tố cáo tiếp và giải quyết đối với tố cáo tiếp hiện nay

 **Ths. Phạm Thị Phượng**

Phó Trưởng phòng, Vụ Pháp chế, TTCP

 **Ths. Trần Thị Kim Ngân**

Trưởng Cán bộ quản lý Nông nghiệp và PTNT 1



Ảnh: ST

Để đảm bảo quyền tố cáo của công dân, pháp luật về tố cáo hiện hành có chế định về tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp, Luật Tố cáo năm 2018 và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo năm 2018 đã có quy định cụ thể về việc tố cáo tiếp, việc giải quyết đối với tố cáo tiếp. Cụ thể như sau:

1. Quy định pháp luật về tố cáo tiếp, giải quyết đối với tố cáo tiếp

1.1. Về căn cứ tố cáo tiếp

- Điểm d, Khoản 1, Điều 9, Luật Tố cáo năm 2018 quy định người tố cáo có quyền tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết. Như vậy, theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, có thể giải quyết đối với tố

cáo tiếp khi có một trong các căn cứ sau:

Một là, quá thời hạn theo quy định của pháp luật mà vụ việc tố cáo chưa được giải quyết.

Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018, thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần,



mỗi lần không quá 30 ngày. Như vậy, quá thời hạn mà vụ việc tố cáo chưa được giải quyết, người tố cáo có quyền tố cáo tiếp lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo.

Hai là, khi người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 37 Luật Tố cáo năm 2018, khi nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu của cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo phải xem xét hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo trước đó. Nếu như việc giải quyết tố cáo trước đó là đúng quy định của pháp luật thì sẽ không giải quyết lại vụ việc tố cáo; trường hợp việc giải quyết tố cáo trước đó là không đúng thẩm quyền thì tiến hành giải quyết tố cáo theo thẩm quyền hoặc chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo; trường hợp có căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo thì tiến hành giải quyết lại tố cáo.

Việc giải quyết lại vụ việc tố cáo chỉ được tiến hành khi việc giải quyết tố cáo trước đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật, làm sai lệch bản chất vụ việc hoặc bỏ lọt thông tin, tài liệu trong khi giải quyết tố cáo. Khoản 3 Điều 37 Luật Tố cáo năm 2018 quy định, việc giải quyết lại vụ việc tố cáo được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây: (1) Kết quả xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo thiếu chính xác hoặc thiếu khách quan; (2) Bỏ sót, bỏ lọt thông tin, tài liệu, chứng cứ quan trọng trong khi xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo; (3) Áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo.

1.2. Thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp

Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp sẽ được xác định trên cơ sở căn cứ tố cáo tiếp. Cụ thể là:

- Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đúng với quy định pháp luật thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết lại vụ việc tố cáo. Như vậy, yêu cầu đặt ra để đảm bảo vụ việc giải quyết tố cáo được khách quan thì phải là người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo.

Đối với cơ quan hành chính nhà nước, xét trên phương diện quản lý nhà nước, căn cứ vào nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và quản lý cán bộ, công chức hiện nay ở nước ta, người có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo bao gồm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết.

Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Tổng cục trưởng, Cục trưởng và cấp tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ đã giải quyết; đối với tố cáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của bộ, ngành mình.

Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết.

- Trường hợp việc giải quyết tố cáo trước đó là không đúng thẩm quyền thì tiến hành giải quyết tố cáo theo thẩm quyền hoặc chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

- Trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết thì Thủ trưởng cấp trên yêu cầu cấp dưới phải giải quyết. Cụ thể là, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có văn bản yêu cầu người giải quyết tố cáo báo cáo về quá trình giải quyết tố cáo, lý do về việc chậm giải quyết tố cáo và xác định trách nhiệm giải quyết tố cáo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp, người giải quyết tố cáo phải gửi báo cáo theo quy định; tiếp tục giải quyết tố cáo theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp và báo cáo kết quả giải quyết.

Tuy nhiên, một điểm mới của Luật Tố cáo năm 2018 trong việc quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo trong trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết, đó là trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có dấu hiệu không khách quan thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết vụ việc tố cáo (Khoản 5 Điều 38 Luật Tố cáo 2018). Để cụ thể hóa quy định này, Điều 5 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định:

“1. Khi có căn cứ xác định việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới có vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo trong những trường hợp sau đây:

a) Có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo dẫn đến kết luận tố cáo không chính xác, khách quan hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc;

b) Có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 37 Luật Tố cáo.

2. Khi có dấu hiệu không khách quan trong việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới thì người đứng đầu cơ quan,



tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo trong những trường hợp sau đây:

a) Người bị tố cáo là vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, của người giải quyết tố cáo;

b) Nội dung tố cáo có liên quan trực tiếp đến vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, của người giải quyết tố cáo;

c) Người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo có lợi ích liên quan trực tiếp với người bị tố cáo”.

Như vậy, Luật Tố cáo năm 2018 đã xác định rõ thẩm quyền giải quyết đối với các vụ việc tố cáo tiếp. Luật đã quy định thành các trường hợp để xác định khi nào thì cấp trên lấy vụ việc tố cáo lên để giải quyết, khi nào thì cấp trên giải quyết lại vụ việc tố cáo, khi nào thì cấp dưới vẫn phải giải quyết vụ việc tố cáo. Việc quy định rõ thẩm quyền giải quyết đối với tố cáo tiếp trong từng trường hợp cụ thể sẽ giúp các cơ quan xác định thẩm quyền trong quá trình xử lý đối với đơn tố cáo tiếp. Căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo tiếp được quy định cụ thể hơn. Qua đó, giúp các cơ quan có thẩm quyền áp dụng một cách thống nhất các căn cứ khi giải quyết lại vụ việc tố cáo.

Trong năm 2019⁽¹⁾, các bộ, ngành Trung ương đã giải quyết 3.597 vụ việc tố cáo, đạt tỷ lệ 87,9%; các địa phương đã giải quyết 3.510 vụ việc, đạt tỷ lệ 81,4%. Trong số các vụ việc tố cáo nêu trên, theo báo cáo của 8 bộ, ngành và 26 địa phương, trong năm 2019 có 203 vụ việc tố cáo tiếp⁽²⁾, các cơ quan đã giải quyết 188 vụ việc (92,6%). Phân tích kết quả giải quyết cho thấy có 7,2% vụ việc tố cáo tiếp là

đúng, có 37,7% tố cáo tiếp là sai và có 55,1% tố cáo tiếp có đúng, có sai.

Nội dung tố cáo tiếp chủ yếu là tố cáo hành vi vi phạm về đất đai, xây dựng, môi trường, thực hiện chế độ chính sách đối với người dân; tố cáo cán bộ, công chức có các sai phạm trong quản lý tài chính, đất đai... Mặc dù chính quyền địa phương đã giải quyết tố cáo nhưng công dân không đồng tình với kết luận giải quyết tố cáo, do đó tiếp tục tố cáo lên các cơ quan cấp trên, thậm chí có những vụ việc tố cáo phức tạp, kéo dài. Trong một số vụ việc, tố cáo tiếp của công dân là đúng, là có cơ sở. Cũng nhiều trường hợp kết quả giải quyết tố cáo tiếp cho thấy vụ việc tố cáo tiếp của công dân là sai. Chẳng hạn, trong năm 2019, tại Hà Nội có 27/117 vụ việc tố cáo tiếp là sai, tại Hải Dương có 13/24 vụ việc tố cáo tiếp là sai, và con số này tại Lào Cai là 5/6 vụ việc. Một số trường hợp mặc dù đã được giải quyết đúng thẩm quyền, đúng pháp luật nhưng công dân vẫn cố tình tố cáo tiếp. Tuy nhiên, không ít các trường hợp tố cáo của công dân là có cơ sở và các cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra, rà soát, xem xét lại.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về tố cáo tiếp và giải quyết đối với tố cáo tiếp

Để đảm bảo quyền tố cáo tiếp của công dân cũng như đảm bảo các quy định về giải quyết tố cáo tiếp được áp dụng một cách thống nhất, hiệu quả trên thực tế, chúng tôi cho rằng cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về vấn đề này.

- Về việc thực hiện quyền tố cáo tiếp của công dân:

Hiện nay, Luật Tố cáo năm 2018 chỉ quy định công dân có quyền tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể công dân thực hiện quyền tố cáo tiếp như thế nào. Do đó, cần quy

định cụ thể đơn tố cáo tiếp phải có những nội dung cơ bản gì, những tài liệu, bằng chứng kèm theo đơn tố cáo tiếp (như kết luận nội dung tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, những căn cứ, chứng cứ thể hiện việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc chứng cứ thể hiện chưa giải quyết xong vụ việc tố cáo mặc dù đã quá thời hạn giải quyết...)

- Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo tiếp:

Pháp luật tố cáo hiện hành quy định không có sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo tiếp với trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo thông thường. Chúng tôi cho rằng giải quyết tố cáo và giải quyết tố cáo tiếp có những điểm khác nhau rất căn bản về thẩm quyền giải quyết, về căn cứ pháp lý để giải quyết, do đó, cần có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo tiếp. Đặc biệt là trong trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo, thẩm quyền giải quyết vụ việc là Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo. Do đó, cần có quy định cụ thể về việc Thủ trưởng cấp trên giao vụ việc xác minh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao xác minh vụ việc tố cáo tiếp, trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ việc giải quyết tố cáo của người đã giải quyết tố cáo, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng... Tất cả các vấn đề đó cần phải được quy định cụ thể, làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết đối với vụ việc tố cáo tiếp.

- Về căn cứ giải quyết tố cáo tiếp:

Hiện nay, trong Luật Tố cáo năm 2018 đã quy định cụ thể căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo trong trường hợp công dân tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật. Tuy nhiên, trường hợp quá thời hạn mà vụ việc chưa được giải quyết, Khoản 5 Điều 38 Luật Tố cáo năm 2018 quy định: Trường hợp có



căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có dấu hiệu không khách quan thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết vụ việc tố cáo. Để quy định chi tiết nội dung này, Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo năm 2018 quy định: Khi có căn cứ xác định việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới có vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo trong những trường hợp sau đây:

- Có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo dẫn đến kết luận tố cáo không chính xác, khách quan hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc;

- Có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 37 Luật Tố cáo, tức là có một trong những căn cứ sau đây:

+ Kết quả xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo thiếu chính xác hoặc thiếu khách quan;

+ Bỏ sót, bỏ lọt thông tin, tài liệu, chứng cứ quan trọng trong khi xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo;

+ Áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo.

Như vậy, quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP là không phù hợp, vì đây là những trường hợp người giải quyết tố cáo chưa giải quyết tố cáo nên không thể có việc ban hành kết luận nội dung tố cáo. Hơn nữa, vụ việc chưa giải quyết xong nên cũng không thể kết luận là kết quả xác minh thiếu khách quan hoặc bỏ sót, bỏ lọt thông tin, tài liệu, chứng cứ quan trọng trong khi xác minh hoặc áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh. Ngoài ra, thiết nghĩ cần sửa đổi điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP theo hướng: Khi có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục giải

quyết tố cáo, cấp trên sẽ lấy vụ việc đó lên để giải quyết và xem xét, xử lý trách nhiệm của người có thẩm quyền chậm trễ trong việc giải quyết tố cáo.

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định trường hợp quá thời hạn giải quyết tố cáo, nếu tố cáo tiếp, cấp trên xác định có dấu hiệu không khách quan trong việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo. Các dấu hiệu không khách quan, chẳng hạn như: Người bị tố cáo là vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, của người giải quyết tố cáo; người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo có lợi ích liên quan trực tiếp với người bị tố cáo... Chúng tôi cho rằng quy định này cần áp dụng cho tất cả các vụ việc giải quyết tố cáo chứ không nhất thiết chỉ áp dụng đối với tố cáo tiếp trong trường hợp quá thời hạn luật định. Có như vậy mới đảm bảo giải quyết mọi vụ việc tố cáo được khách quan, chính xác, đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

- Về chế tài xử lý đối với những người tố cáo tiếp cố tình tố cáo sai sự thật, tố cáo nhiều lần và chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật khác trong quá trình giải quyết tố cáo.

Hiện nay, tại không ít địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn tình trạng mặc dù vụ việc tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết đúng pháp luật nhưng người tố cáo vẫn cố tình tố cáo tiếp, tố cáo tràn lan, nhiều lần, sai sự thật, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của người khác. Đối với người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, hiện nay tại Điều 23 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP đã có quy định chế tài xử lý. Tuy nhiên, đối với chủ thể là người dân cố tình tố cáo sai sự

thật mà tố cáo nhiều lần thì chưa có chế tài xử lý hành chính, do đó còn gây khó khăn cho các cơ quan hành chính trong việc xử lý đối với những trường hợp đó. Đề nghị cần bổ sung chế tài xử lý hành chính đối với người dân có những hành vi này, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, hạn chế tình trạng tố cáo tràn lan, vượt cấp, tố cáo nhiều lần, sai sự thật, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Đối với các hành vi vi phạm của các chủ thể khác trong quá trình giải quyết tố cáo, hiện nay trong Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo năm 2018 đã có các quy định xử lý đối với người giải quyết tố cáo có vi phạm trong quá trình giải quyết tố cáo. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có chế tài xử lý đối với một số chủ thể khác tham gia vào việc giải quyết tố cáo như đối với người xử lý đơn, người xác minh nội dung tố cáo. Thiết nghĩ, cần tiếp tục xây dựng các chế tài để xử lý đối với các chủ thể này trong trường hợp họ có sai phạm như cố tình không xử lý đơn tố cáo tiếp; cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu; làm mất hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu trong quá trình xác minh nội dung vụ việc tố cáo; bao che cho người bị tố cáo.../.

Chú thích:

(1) Báo cáo số 369/BC-CP của Chính phủ ngày 30/8/2019 về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2019;

(2) Tính đến ngày 16/8/2019 có 08 bộ, ngành và 26 địa phương báo cáo, thống kê các chỉ tiêu về tố cáo tiếp theo yêu cầu gồm:

- 08 bộ, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc.

- 26 địa phương: Bắc Giang, Bắc Kạn, TP Hà Nội, Hải Dương, Lào Cai, Ninh Bình, Thái Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Gia Lai, Kom Tum, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Bến Tre, Bình Thuận, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Trà Vinh, Vĩnh Long.



Một số kinh nghiệm thực tiễn trong tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự

TS. NCVC Trần Văn Duy

Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam,

Ths. TTVC Lê Thị Thu

Tổng cục THADS, Bộ Tư pháp

Tiếp công dân là công tác quan trọng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta. Những năm qua, công tác tiếp công dân của nước ta đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trong thi hành án dân sự (THADS), công tác này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Dưới đây là một số kinh nghiệm thực tiễn trong tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân trong thi hành án dân sự.



Ảnh: ST

1. Kinh nghiệm về kỹ năng tiếp công dân

Trong thi hành án dân sự, công dân chủ yếu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị, phản ánh về các nội dung sau:

Về khiếu nại:

- Khiếu nại các quyết định về thi hành án gồm: Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu, quyết định cưỡng chế thi hành án, quyết định hoãn thi hành án, quyết định thu phí thi hành án...

- Khiếu nại các hành vi của Thủ trưởng, Chấp hành viên cơ quan THADS: Không ra quyết định hoãn THADS khi nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền; chậm tổ chức thi hành án; không tổ chức thi hành dứt điểm bản án mặc dù người phải thi hành án có điều kiện thi hành; kê biên sai đối tượng, kê biên tài sản đã được thế chấp, chuyển nhượng hợp pháp; các khiếu nại xuất phát từ việc cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành

án để giao cho người được thi hành án hoặc để xử lý thi hành một khoản tiền mà họ có nghĩa vụ phải thi hành; chậm giao tài sản mua trúng đấu giá gây ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của công dân.

Về tố cáo: Tố cáo các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về THADS.

Để thực hiện tốt việc công dân đến khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về thi THADS với các nội dung nêu trên, theo kinh nghiệm tiếp công dân đến



khieu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS và một số trường hợp khieu nại, tố cáo bức xúc, phức tạp, kéo dài cho thấy công chức tiếp công dân phải có những kỹ năng sau đây:

Thứ nhất, có khả năng ứng xử linh hoạt, nhạy bén khi tiếp công dân

Thực tế cho thấy, tiếp công dân đến khieu nại, tố cáo về THADS thực chất là sự đối thoại trực tiếp giữa người tiếp công dân (với tư cách là người đại diện cơ quan nhà nước) với công dân (người đến khieu nại, tố cáo). Do đó, kỹ năng ứng xử khi tiếp công dân nếu thực sự đạt được những chuẩn mực nhất định sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc giải quyết khieu nại, tố cáo về THADS; hạn chế được tình trạng khieu nại, tố cáo gay gắt, bức xúc xảy ra. Chính vì vậy, việc tiếp công dân của người tiếp công dân có thể coi là hoạt động “*giao tiếp đặc biệt*” bởi người tiếp công dân phải tiếp nhận thái độ ứng xử ngược chiều của người khieu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị từ việc THADS. Do đó, khi tiếp công dân đến khieu nại, tố cáo về THADS, tùy từng trường hợp cụ thể để có thái độ giao tiếp linh hoạt, không cứng nhắc.

Thứ hai, có khả năng nắm bắt tâm lý người khieu nại, tố cáo

Hiện nay, trong bối cảnh chính sách, pháp luật ngày càng được công khai minh bạch, tác động tích cực đến đời sống xã hội, thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhiều người dân am hiểu pháp luật, có hành vi ứng xử đúng quy định trong thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình. Song có nhiều trường hợp cố tình hiểu sai pháp luật, biện hộ và tận dụng cơ hội để phản kháng mãnh liệt đối với cán bộ tiếp công dân.

Do vậy, việc nắm bắt tâm lý người khieu nại, tố cáo về THADS để lựa chọn và vận dụng phương pháp tiếp công dân có hiệu quả là hết sức quan trọng. Muốn vậy, ngoài những kỹ năng giao tiếp linh hoạt, người tiếp công dân cần hiểu tâm lý con

người, đặc biệt, khi tiếp những công dân có thái độ cực đoan, quá khích phải có khả năng nắm bắt diễn biến tâm lý của công dân để định hướng được những vấn đề cần đưa ra đối thoại thẳng thắn, cương quyết, cứng rắn; cần tinh tế, mềm dẻo, đi sâu vào tâm lý của người khieu nại, tố cáo, không đẩy họ vào tình trạng tiếp tục bị kích động, dồn nén cảm xúc dẫn tới có lời nói, cử chỉ quá khích, gây rối.

Thứ ba, am hiểu và vận dụng đúng chính sách pháp luật khi tiếp công dân

Đây vừa là tiêu chuẩn, vừa là kỹ năng quan trọng đối với người tiếp công dân. Bởi chỉ khi có kiến thức, am hiểu chính sách, pháp luật thì người tiếp công dân mới có thể giải thích, hướng dẫn cho người khieu nại, tố cáo chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, kết luận, quyết định giải quyết đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài yêu cầu am hiểu pháp luật hiện hành, người tiếp công dân còn phải có kiến thức tương đối sâu sắc và toàn diện về nhiều lĩnh vực bởi nội dung phản ánh ở nơi tiếp công dân rất đa dạng, liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau. Nếu không hiểu biết sâu rộng thì người tiếp công dân khó có thể hướng dẫn giải thích cho người dân đến khieu nại, tố cáo; đồng thời, tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, cũng như hạn chế tình trạng đơn thư khieu nại, tố cáo tràn lan, vượt cấp.

Thứ tư, có tác phong làm việc nghiêm túc, thái độ đúng mực, lịch sự khi tiếp công dân

Với tư cách là người đại diện cho cơ quan nhà nước, người tiếp công dân phải có tác phong làm việc nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm với công việc. Khi tiếp xúc với người dân đến khieu nại, tố cáo, người tiếp công dân phải có thái độ đúng mực, có lối ứng xử văn hóa, lịch sự; biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người dân đến khieu nại, tố cáo; phải ân cần hướng dẫn cho người dân, nhất là những người kém hiểu

biết, giúp công dân dễ tiếp nhận hướng dẫn, giải thích, hiểu quy định pháp luật; đồng thời tạo hình ảnh, ấn tượng tốt, tạo niềm tin cho nhân dân đối với cơ quan nhà nước, cơ quan THADS. Tuy nhiên, mọi sự sơ suất, nóng vội, thiếu kiểm chế cũng như sự nhu nhược của người tiếp công dân đều dẫn đến những hậu quả xấu, dẫn đến sự đánh giá tiêu cực, sai lệch của người dân về cơ quan nhà nước, về tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức.

2. Kinh nghiệm về tiếp nhiều người đến khieu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về THADS

a) Trường hợp nhiều người cùng khieu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung

Khi nhiều người cùng khieu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung ở địa điểm tiếp công dân, người tiếp công dân yêu cầu những người này phải cử đại diện để trình bày nội dung khieu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh. Người đại diện phải là một trong những người khieu nại, người tố cáo, người đề nghị, kiến nghị, phản ánh. Việc cử người đại diện phải thể hiện bằng văn bản có chữ ký của tất cả những người khieu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Trường hợp có từ 05 đến 10 người thì cử 01 hoặc 02 người đại diện; trường hợp có trên 10 người thì có thể cử thêm người đại diện nhưng không quá 05 người. Người đại diện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc đại diện và văn bản cử người đại diện.

- Trước hết, người tiếp dân có trách nhiệm kiểm tra tư cách hợp pháp của người đại diện trước khi tiếp. Nếu người đại diện là cá nhân có hành vi gây rối, vi phạm nội quy, quy chế tiếp công dân thì người tiếp công dân từ chối không để người đó làm đại diện và đề nghị cử người khác làm đại diện cho người khieu nại, tố cáo.

- Yêu cầu người đại diện trình bày nội dung vụ việc và các yêu cầu của người



khiếu nại, tố cáo. Trên cơ sở trình bày, các thông tin, tài liệu do người đại diện cung cấp (từ các nguồn khác nếu có), người tiếp công dân xác định nội dung khiếu nại, tố cáo, yêu cầu của người khiếu nại, tố cáo để báo cáo Thủ trưởng cơ quan có các biện pháp xử lý kịp thời.

Trong quá trình tiếp công dân, người tiếp công dân chú ý phân loại các đối tượng đến khiếu nại, tố cáo, như: Người có quyền lợi trực tiếp liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo; người lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để kích động, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo; những người bị kích động, lôi kéo; những đối tượng chính sách để có cách tiếp có trọng tâm, trọng điểm.

- Tiếp nhận các tài liệu, ghi chép đầy đủ ý kiến trình bày về nội dung khiếu nại, tố cáo của người đại diện, đọc lại cho người đại diện nghe và yêu cầu ký xác nhận.

b) Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về nhiều nội dung

Người tiếp dân yêu cầu cử người đại diện như trong trường hợp nêu trên. Trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phức tạp đã được tiếp nhiều lần, có nhiều nội dung thuộc trách nhiệm của nhiều cấp, đã qua nhiều cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết hoặc vụ việc có rất nhiều người tham gia, diễn biến phức tạp, Thủ trưởng cơ quan THADS cần có trách nhiệm:

- Chủ trì hoặc phối hợp với đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hoặc đại diện Ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan THADS nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu vụ việc của cấp dưới) cùng tiếp người đại diện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cử người có trách nhiệm tham gia tiếp người đại diện khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh.

- Tại buổi tiếp, người chủ trì yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan giải thích,

trả lời những nội dung liên quan đến trách nhiệm của đơn vị mình. Căn cứ các nội dung trình bày, yêu cầu của công dân, nội dung trả lời, chỉ đạo việc thực hiện tiếp nếu chưa thể trả lời rõ ràng, dứt điểm, thông báo thời hạn trả lời theo quy định.

c) Trường hợp những người đến khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh có hành vi kích động, gây rối trật tự hoặc đe dọa đối với người tiếp công dân

Trường hợp những người đến địa điểm tiếp dân có hành vi kích động, gây rối trật tự hoặc đe dọa đối với người tiếp công dân thì Thủ trưởng cơ quan THADS phải kịp thời tăng cường người tiếp dân. Xét thấy thuộc trường hợp từ chối tiếp công dân theo quy định tại Điều 9 Luật Tiếp công dân năm 2013 thì từ chối tiếp. Trường hợp, vụ việc có tính chất nghiêm trọng, đe dọa đến tính mạng của người tiếp công dân, Thủ trưởng cơ quan cần huy động lực lượng bảo vệ của cơ quan, đồng thời, yêu cầu cơ quan công an hoặc cơ quan chức năng có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Đối với vụ việc khiếu nại, tố cáo có đông người tham gia, cùng nhau đến Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc các cơ quan nhà nước với thái độ gay gắt, có tổ chức hoặc có những hành vi vi phạm pháp luật

Đây là một vấn đề nóng, có tính nhạy cảm, nếu không được giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Thông thường, trong vụ việc này, những người tham gia đến địa điểm tiếp dân mục đích chủ yếu là gây sự chú ý, tạo áp lực để yêu cầu các cơ quan THADS phải xem xét, giải quyết nhanh, giải quyết theo các yêu cầu của họ. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp là do họ không tin tưởng vào việc giải quyết của các cơ quan THADS; hoặc do bị xúi giục, kích động hoặc do quyết định, hành vi của cơ quan THADS thực sự làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ...

Khi phát sinh những trường hợp này, trước hết phải tìm hiểu, nhận diện rõ mục đích, nguyên nhân tại sao các công dân lại liên kết cùng nhau để đi khiếu nại, tố cáo, trên cơ sở đó, cần thực hiện các công việc sau đây:

- Một là, phải xác định rõ đây là trách nhiệm của người đứng đầu, phải trực tiếp lãnh đạo, chủ trì việc tiếp, xem xét, giải quyết, chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết.

- Hai là, thực hiện đồng bộ các giải pháp, phương pháp sau để giải quyết:

+ Phối hợp chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa Trung ương với địa phương, với các tổ chức, đơn vị có liên quan, với người thường xuyên tiếp công dân;

+ Nắm chắc tình hình tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương để chủ động có những biện pháp xử lý kịp thời, đặc biệt là tập trung giải quyết dứt điểm vụ việc ngay từ cơ sở, khi mới phát sinh vụ việc (nếu có thể);

+ Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cơ quan có trách nhiệm giải quyết với những người khiếu nại, tố cáo, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân;

+ Sử dụng phương pháp giải thích, thuyết phục người dân chấp hành đi đôi với phân hóa đối tượng, đồng thời, xử lý nghiêm minh các trường hợp cố tình lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội;

+ Trường hợp cần thiết tiến hành kiểm tra để làm rõ nội dung khiếu nại, tố cáo, đồng thời, xử lý nghiêm đối với những người đã có quyết định, hành vi xâm hại đến lợi ích của người dân hoặc những hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo, đảm bảo kỷ cương và công bằng.

Tùy từng trường hợp, theo diễn biến vụ việc để sử dụng một hoặc nhiều giải pháp, phương pháp để tạo sự thống nhất, hiệu quả trong quá trình tiếp, xem xét, giải quyết, không để người dân lợi dụng để khiếu kiện.



4. Kinh nghiệm trong các vụ việc tiếp công dân khiếu nại, tố cáo, đề nghị, phản ánh của Thủ trưởng cơ quan THADS

Theo quy định, Thủ trưởng cơ quan THADS có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất. Để buổi tiếp công dân của Thủ trưởng cơ quan THADS hiệu quả, đạt kết quả tốt, Thủ trưởng cơ quan THADS, đơn vị tham mưu hoặc công chức được giao tham mưu, công chức tiếp công dân cần thực hiện trình tự, thủ tục sau:

- Khi tiếp công dân, nhận được đơn đề nghị lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Tổng cục, Cục trưởng Cục THADS cấp tỉnh hoặc Chi cục trưởng Chi cục THADS cấp huyện tiếp, công chức được giao thường xuyên tiếp công dân báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan THADS phân công công chức nghiên cứu, báo cáo nội dung vụ việc, vào lịch tiếp công dân;

- Sau khi Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt đề xuất của công chức thường xuyên tiếp công dân nêu trên, công chức được giao nghiên cứu vụ việc xây dựng báo cáo, đề xuất hướng giải quyết đơn thư. Việc yêu cầu báo cáo, sao gửi hồ sơ, nghiên cứu, xây dựng báo cáo nội dung vụ việc được thực hiện theo quy trình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về THADS. Trường hợp gấp, các cơ quan THADS có vụ việc tiếp công dân cung cấp báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan qua thư điện tử hoặc các biện pháp công nghệ thông tin;

- Công chức thường xuyên tiếp công dân vào lịch tiếp của Thủ trưởng cơ quan THADS, thông báo cho công dân đã có đơn đề nghị được tiếp.

- Thủ trưởng đơn vị tham mưu báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS nội dung vụ việc, công tác chuẩn bị cho buổi tiếp; đồng thời, phân công nhiệm vụ cho các công chức tham gia buổi tiếp;

- Tại buổi tiếp, sau khi giới thiệu thành phần tham dự, Thủ trưởng cơ quan THADS chủ trì buổi tiếp, thực hiện tiếp theo quy trình quy định. Phần trình bày của công

dân, trả lời, giải thích, hướng dẫn, kết luận của Thủ trưởng cơ quan THADS được ghi nhận bằng biên bản và giao cho công dân 01 bản theo quy định.

Để nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân trong THADS, cơ quan THADS các cấp cần chú trọng thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhất là những điểm mới của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Chú trọng việc thông tin, tuyên truyền về các vụ việc khiếu nại, tố cáo cụ thể, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực; kịp thời phê phán những hành vi vi phạm pháp luật và những biểu hiện lệch lạc trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trong THADS.

Hai là, các cơ quan THADS địa phương, phòng chuyên môn phải tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị, cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện tốt các giải pháp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật; phát huy vai trò của Trường ban chỉ đạo thi hành án các cấp, sự phối hợp giữa các ngành, cơ quan, đơn vị cùng cấp trong công tác tiếp dân, đối thoại với dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ngay tại địa phương nơi xảy ra vụ việc tránh để xảy ra tình trạng có ý kiến không nhất quán, thiếu thống nhất trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Ba là, thực hiện tốt các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật; trong thực hiện, nếu phát hiện vướng mắc hoặc có sai sót trong quá trình giải quyết thì cần có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, hạn chế khiếu nại kéo dài.

Bốn là, tăng cường tự kiểm tra việc tổ chức thi hành án của các Chấp hành viên thuộc quyền quản lý. Nâng cao phẩm chất

chính trị, đạo đức, chất lượng công chức làm công tác tiếp công dân.

Năm là, củng cố, kiện toàn đội ngũ tiếp công dân, đặc biệt phải xây dựng được chính sách đặc thù đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân để họ hoàn toàn yên tâm công tác, có nhiệt huyết, có nhiều sáng kiến khi thực hiện nhiệm vụ. Biểu dương những tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Sáu là, cần nâng cao chất lượng tiếp công dân, xử lý đơn thư nhất là trong trường hợp khiếu nại, tố cáo bức xúc, phức tạp, kéo dài. Theo đó, người cán bộ tiếp công dân phải tự đặt cho mình mục tiêu, khẩu hiệu (*kiên trì giải thích dân sẽ hiểu*). Làm tốt những yêu cầu nêu trên sẽ khắc phục được tình trạng khiếu nại, tố cáo tràn lan, vượt cấp cũng như các bất cập khác trong giải quyết khiếu nại, tố cáo để tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật.

Mặt khác, một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS của công dân đó là việc thực hiện tốt ngay từ khâu tiếp công dân bởi đây là một trong những cầu nối, tiền đề thuận lợi cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo giữa Cơ quan THADS và công dân. Thực tế cho thấy, nơi nào việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo về THADS được thực hiện tốt thì công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả cao.

Chính vì vậy, công tác này có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi cán bộ làm công tác tiếp dân trong lĩnh vực THADS. Cán bộ tiếp công dân cần xác định rõ mình là đại diện cho cơ quan nhà nước xem xét công việc của dân, phải không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp và nắm vững các kỹ năng trên để đưa công tác tiếp công dân vào nề nếp, có hiệu quả, tạo được lòng tin của người dân đối với công tác tiếp công dân của ngành nói riêng và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS nói chung./



Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

 **Ths. Nguyễn Phương Vy**

Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, TTCP

Vấn đề công khai, minh bạch được đề cập từ thời kỳ La Mã cổ đại, tuy nhiên ở mỗi thời đại, phương thức và mục đích sử dụng các công cụ này có sự khác nhau. Pháp luật của nước ta hiện nay mới tiếp cận trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình theo hướng một chiều: Nghĩa là người có nghĩa vụ công khai thuộc bộ máy quản lý trong khi chủ thể có quyền yêu cầu công khai là người bị quản lý. Vấn đề là liệu có thể xem xét đặt vấn đề theo chiều ngược lại: Trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình cần được áp dụng đối với cả chủ thể trong khu vực tư?

Ở góc độ doanh nghiệp, rõ ràng, chính sách này, nếu triển khai, sẽ gây ra rất nhiều khó khăn, áp lực lên cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Nó dường như cũng đi ngược lại một định hướng khác mà Đảng và Nhà nước đang theo đuổi, đó là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

Về khái niệm Chính phủ kiến tạo, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã định hướng phương thức chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là “phải chuyển từ phương thức mệnh lệnh hành chính sang Chính phủ kiến tạo, phục vụ; quyết tâm xây dựng một Chính phủ liêm chính, minh bạch, hiệu quả; nói không với tham nhũng, tiêu cực, lãng phí”.



Ảnh: ST

Yêu cầu về phát triển kinh tế đặt ra là tập trung vào nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp - lực lượng chính làm nên sự phát triển kinh tế. Chủ trương này đã được cụ thể hóa bởi những nỗ lực mạnh mẽ của Chính phủ trong việc “cởi trói” doanh nghiệp, trong đó quan trọng nhất là giảm gánh nặng thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh, áp dụng thành tựu công nghệ vào hoạt động quản trị để hạn chế tương tác giữa doanh nghiệp - cơ quan quản lý.

Tuy nhiên, cho đến nay, việc triển khai, thực hiện còn tương đối chậm chạp, đúng với nhận định của PGS.TS Trần Đình Thiên: “Đổi mới như hòn đá tảng vậy, để hòn đá lăn được thì khó nhất là lúc vừa mới đẩy”.⁽¹⁾

Trong bối cảnh đó, việc đặt trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình đối với doanh nghiệp liệu có phù hợp với xu thế xây dựng Chính phủ trong thế kỷ 21? Ngoài ra, bí mật thông tin có ý nghĩa quan trọng, nếu không muốn nói là sống còn đối với hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Bản thân các doanh nghiệp cũng xây dựng hệ thống bảo mật thông tin của riêng mình bởi lo ngại rằng thông tin nếu bị lộ ra bên ngoài sẽ kéo theo những thiệt hại không thể lường trước. Do vậy, rõ ràng Nhà nước yêu cầu gay gắt việc minh bạch hóa thông tin sẽ là hành động can thiệp một cách bất hợp lý vào đời sống doanh nghiệp.

Do đó, Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng



(PCTN) bước đầu đề cập đến việc công khai, minh bạch để phòng, chống tham nhũng (PCTN) đối với các mô hình công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập.

Tuy nhiên, việc áp dụng công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với chủ thể thuộc khu vực tư lại mang ý nghĩa nhất định, đặc biệt trong bối cảnh tham nhũng trong khu vực tư trở thành đề tài nóng bỏng ở Việt Nam những năm gần đây.

Theo kết quả khảo sát trong báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Việt Nam năm 2017 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện, tỷ lệ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thừa nhận từng trả chi phí không chính thức liên quan đến thanh tra - kiểm tra, thông quan hàng hóa và thủ tục đất đai lần lượt là 45%, 53% và 17,5%. Trong môi trường mà rủi ro tham nhũng cao như ở Việt Nam, quan điểm cho rằng hối lộ là một phần “không thể tránh khỏi” trong hoạt động kinh doanh khá phổ biến, dẫn đến việc doanh nghiệp chấp nhận chi trả các khoản chi phí không chính thức. Như vậy, từ là nạn nhân, doanh nghiệp đã trở thành tác nhân gây ra tham nhũng.

Mặt khác, trên thực tế, nhiều giải pháp PCTN cũng xuất phát từ chính nội bộ doanh nghiệp. Một số nghiên cứu gần đây của Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT), cơ quan đầu mối của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) tại Việt Nam, đã làm sáng tỏ thêm vấn đề này.

Báo cáo “Phân tích rủi ro tham nhũng đối với nhà đầu tư tại Việt Nam” (2017) do Trung tâm Nghiên cứu và Quản trị Xã hội (CENSOGOR - một trong hai đối tác chính thức của TI tại Việt Nam) và VBF (Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam) phối hợp thực hiện đã khảo sát 21 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy, rủi ro tham nhũng là một trở ngại đáng kể trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này. Đặc biệt, việc biểu,

tặng và nhận quà riêng và/ hoặc các lợi ích khác giữa tư nhân với tư nhân và giữa tư nhân với Nhà nước được coi là một thực tế trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Theo báo cáo, 62% doanh nghiệp được khảo sát cho biết từng bị yêu cầu chi tiền lót tay hay cung cấp các dạng lợi ích không chính thức khác từ cán bộ, công chức nhà nước trong vòng 12 tháng trước đó để các thủ tục, dịch vụ công được thực hiện nhanh chóng. Đa số các doanh nghiệp được khảo sát (90%) cho biết từng nhận quà biếu từ các nhà cung cấp, trong đó 81% nhận quà vào các ngày không phải ngày lễ của Việt Nam. Ngoài ra, 62% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ có tính đến việc phải đài thọ chi phí để cán bộ nhà nước ra nước ngoài tham dự các sự kiện của công ty. Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp này đều xây dựng và thực thi các quy định về đạo đức kinh doanh để có thể ngăn ngừa những rủi ro tham nhũng nói trên.

Báo cáo “Khảo sát liên chính kinh doanh trong các khu công nghệ cao ở Việt Nam” (2018) của TT đưa ra cách nhìn tổng quan về những thách thức liên quan đến vấn nạn hối lộ mà các doanh nghiệp tại 3 khu công nghệ cao ở Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh phải đối mặt, cũng như các biện pháp đang được áp dụng để giảm thiểu những rủi ro này. Kết quả khảo sát cho thấy những nỗ lực xây dựng môi trường kinh doanh liên chính của các ban quản lý khu công nghệ cao đã hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động tại đây tránh hoặc hạn chế tham gia vào các hành vi hối lộ. Tuy nhiên, do phần đông doanh nghiệp tham gia khảo sát là doanh nghiệp trong nước, chịu nhiều ảnh hưởng bởi văn hóa truyền thống Á Đông nên quan điểm “tặng quà (với giá trị nhỏ) cho đối tác để duy trì mối quan hệ tốt đẹp” vẫn khá phổ biến. Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp thừa nhận từng bị yêu cầu chi tiền lót tay hay cung cấp các dạng lợi ích phi chính thức khi làm việc với các cán bộ hải quan hoặc thanh tra thuế vẫn còn đáng kể, lần lượt là 35% và 32%.

Trong quá trình khảo sát về hoạt động xây dựng chính sách và chương trình chống hối lộ, kết quả thu được khá khả quan với đa số các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn đã triển khai các chiến lược PCTN, trong khi nhiều doanh nghiệp khác đang trong quá trình triển khai hoặc xem xét triển khai nếu được hỗ trợ. Như vậy, các doanh nghiệp được khảo sát đã ý thức về việc quy định PCTN ngay trong nội bộ doanh nghiệp.

Nhìn chung, chúng ta có thể thấy rằng tình hình tham nhũng trong khu vực tư đã và đang ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động cạnh tranh lành mạnh, môi trường đầu tư, các quan hệ kinh tế, tài chính, thương mại, đồng thời cản trở hiệu quả PCTN trong khu vực công... Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên cũng đặt ra yêu cầu chống tham nhũng trong khu vực tư. Trong quá trình soạn thảo Luật PCTN sửa đổi, nhóm nghiên cứu của Quốc hội cho rằng, việc chỉ mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các loại hình doanh nghiệp là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư và một số loại hình tổ chức xã hội là chưa phù hợp. Thực tiễn cho thấy, việc đưa, nhận hối lộ để giành lợi thế trong sản xuất, kinh doanh xảy ra ở nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau, kể cả các công ty TNHH hoặc công ty tư nhân, là công ty “sân sau” được sự đỡ đầu của người có chức vụ, quyền hạn⁽²⁾. Vụ việc Phan Văn Anh Vũ (Vũ Nhôm) là minh chứng rõ rệt cho mối quan hệ giữa tham nhũng và doanh nghiệp tư nhân. Hàng loạt công ty có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, là “sân sau” cho tội phạm của Vũ Nhôm có thể liệt kê như: Công ty Cổ phần xây dựng Bắc Nam 79, Công ty Cổ phần Nova Bắc Nam 79, Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Chân Phong, Công ty Cổ phần thương mại đầu tư phát triển Hoàng Huy, Công ty TNHH Hưng Phát (đổi tên thành Công ty TNHH Phú Gia Compound)⁽³⁾.

Thực trạng trên đặt vấn đề rằng biết đâu đó hệ thống các thông tin thuộc phạm trù bí mật, được doanh nghiệp, tổ chức đặt trong bóng tối đang tồn tại những hành vi



sai trái, phi pháp của cán bộ, công chức, người có chức vụ quyền hạn. Trong trường hợp này, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình áp dụng sớm và mạnh mẽ hơn sẽ góp phần hạn chế những sai phạm, phát hiện và ngăn ngừa kịp thời hành vi của những quan chức tha hóa trong bộ máy nhà nước.

Như đã phân tích, ý niệm đầu tiên của con người về minh bạch hóa thông tin thể hiện theo hướng Nhà nước nắm bắt thông tin của xã hội, của nhân dân để quản lý tốt hơn. Quản lý tốt hơn ở đây thậm chí đã được Nhà nước La Mã cổ đại ngầm hiểu theo nghĩa kiểm soát nội bộ quan chức làm việc trong chính bộ máy của mình. Minh bạch hóa thông tin của đối tượng bị quản lý (xã hội) chính là góp phần kiểm soát đội ngũ cán bộ quản lý tốt hơn. Cách tiếp cận từ thời kỳ cổ đại này hoàn toàn vẫn mang giá trị thực tiễn trong thời buổi ngày nay, khi mà tham nhũng không còn phân biệt đáng kể ranh giới khu vực công - tư. Tuy nhiên công khai, minh bạch hay yêu cầu trách nhiệm giải trình đối với khu vực tư cần hết sức thận trọng, hạn chế việc tạo thêm gánh nặng, áp lực cho những doanh nghiệp làm ăn chân chính, đã và đang có những đóng góp quan trọng vào tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

Chú thích:

(1). Dân trí, "PGS.TS Trần Đình Thiên: Doanh nghiệp rất cần "cởi trói" thủ tục hành chính";

(2). Văn Kiên, "Sử dụng doanh nghiệp 'sân sau' để tham nhũng" <http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAP-PHAP/View_Detail.aspx?ItemID=2618> truy cập ngày 22/09/2019;

(3). Hoàng Minh, "Vũ Nhôm thoát sạch vốn loạt 'sân sau' nào trước khi bị truy nã?" <<https://baomoi.com/vu-nhom-thoi-sach-von-loat-san-sau-nao-truoc-khi-bi-truy-na/c/24523059.epi>> truy cập ngày 22/09/2019.

Các phương thức kiểm soát quyền hành pháp của nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay

 **Ths. Nguyễn Thị Bích Hương**

Vụ Pháp chế, TTCP



Ảnh: Trần Chính

Cơ chế tổ chức quyền lực của Nhà nước ta được thực hiện theo nguyên tắc "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" (Hiến pháp năm 2013). Như vậy, Hiến pháp 2013 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc phân công, phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, đồng thời quy định rõ các chủ thể thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp: "Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp"; "Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp"; "Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp" (các Điều 69, 94, 102). Đặc biệt, nguyên tắc "kiểm soát" giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực đã được bổ sung. Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng, vừa nhằm đảm bảo cho mỗi cơ quan chuyên trách thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình nhưng vẫn có sự kiểm soát, giám sát, kiểm chế lẫn nhau nhằm tránh nguy cơ lạm dụng quyền lực của bất kỳ cơ quan nào.



Trong cơ cấu quyền lực nhà nước, quyền hành pháp có vai trò vô cùng quan trọng. Cốt lõi của quyền hành pháp chính là quyền tổ chức thực hiện các văn bản của lập pháp, đưa chính sách vào cuộc sống, tác động lên hành vi của các chủ thể chịu sự quản lý nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Quá trình thực hiện quyền hành pháp trên thực tế đã chứng tỏ ưu thế vượt trội so với các nhánh quyền lực khác. Hành pháp nắm giữ các nguồn lực tài chính quốc gia, cơ sở hạ tầng, quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, cung cấp dịch vụ hành chính công... Hành pháp tác động trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của công dân, quản lý bộ máy hành chính rộng lớn. Do vậy, nó có nguy cơ bị lạm dụng bởi chính những người thực thi. Để tránh sự lạm dụng dẫn đến tha hóa, độc đoán, quyền hành pháp cần được kiểm soát, giám sát chặt chẽ. Quyền lực hành pháp được thể hiện thông qua việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan trong bộ máy hành pháp. Vì vậy, kiểm soát việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của bộ máy hành pháp cũng chính là kiểm soát quyền lực hành pháp.

Các phương thức kiểm soát quyền hành pháp của nhà nước ta hiện nay

Các phương thức kiểm soát quyền lực hành pháp hiện nay khá đa dạng, có thể phân chia thành phương thức kiểm soát từ bên ngoài và phương thức kiểm soát từ bên trong chính các cơ quan thuộc bộ máy hành pháp.

Phương thức kiểm soát từ bên ngoài hệ thống hành pháp

Một là, giám sát của Đảng: Theo quy định của Hiến pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Việc giám sát của Đảng đối với Nhà nước nói chung và các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng được thực hiện thông qua việc giám sát đối với đảng viên của mình và các tổ chức cơ sở Đảng. Theo Quy định số 30-QĐ/TW năm 2016 thi hành Chương VII và VIII Điều lệ Đảng về công tác

kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương ban hành: Giám sát của Đảng là việc các tổ chức Đảng quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo sự phân công. Giám sát của Đảng có giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề; giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp.

Hai là, giám sát từ cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội và Hội đồng nhân dân): Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; giám sát tối cao hoạt động của Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương. Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm báo cáo và chịu sự giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Ba là, giám sát của Mặt trận tổ quốc: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Một trong những chức năng quan trọng của Mặt trận là giám sát, phản biện xã hội. Theo quy định của Luật, đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung giám sát là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Bốn là, kiểm soát từ các cơ quan báo chí, người dân: Quyền lực nhà nước vốn xuất phát từ nhân dân, do vậy, nhân dân có quyền kiểm soát việc thực hiện quyền lực đó. Việc kiểm soát có thể được thực hiện gián tiếp thông qua các cơ quan, tổ chức đại diện cho dân hoặc trực tiếp bằng các phương thức phù hợp như yêu cầu cung cấp thông tin, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, phản ánh... đối với các vấn đề có liên quan.

Năm là, kiểm soát từ các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát): Tư pháp là một trong 3 nhánh quyền lực nhà nước. Ngoài việc thực hiện chức năng riêng của mình, tư pháp còn có vai trò kiểm soát hành pháp, giám sát việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc giải quyết các vụ án hành chính.

Sáu là, kiểm soát từ Kiểm toán Nhà nước: Kiểm toán Nhà nước là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; thực hiện chức năng kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động đối với mọi cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước. Đối tượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán. Đơn vị được kiểm toán trong đó bao gồm cả các cơ quan hành chính nhà nước. Như vậy, thông qua hoạt động của mình, Kiểm toán Nhà nước giám sát việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

Phương thức kiểm soát từ bên trong hệ thống hành pháp

Theo quy định của pháp luật, các cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện nhiệm



vụ, công vụ, việc chấp hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới theo thẩm quyền quản lý. Đồng thời, theo yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng, người đứng đầu mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tự chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý.

Bên cạnh đó, thanh tra là một phương thức rất hữu hiệu để các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện kiểm soát quyền lực từ bên trong hệ thống của mình. Bởi, về bản chất, thanh tra là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc kiểm soát của các cơ quan hành chính nhà nước đối với bộ máy của mình chính là hoạt động thanh tra hành chính (thanh tra hướng vào bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức). Thông qua việc thực hiện chức năng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, các cơ quan thanh tra nhà nước thực hiện việc giám sát, kiểm soát việc thực thi nhiệm vụ, công vụ bên trong hệ thống hành pháp.

Mỗi phương thức kiểm soát quyền hành pháp nói trên có vai trò, chức năng, đặc điểm và ưu thế riêng. Chẳng hạn, cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật Đảng thường nhanh chóng, kịp thời; các biện pháp xử lý kỷ luật Đảng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm thường được đưa ra trước khi có các biện pháp xử lý kỷ luật hành chính hoặc xử lý theo con đường tố tụng. Cơ chế giám sát từ các cơ quan tư pháp (thông qua việc xét xử các vụ án hành chính) đòi hỏi quy trình tố tụng chặt chẽ, phức tạp, thời gian kéo dài hơn... Nhưng tựu chung lại, các phương thức trên tạo nên một cơ chế kiểm soát tổng thể, toàn diện đối với việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Đánh giá về các phương thức kiểm soát quyền hành pháp hiện nay

Thứ nhất, các phương thức kiểm soát quyền hành pháp đã góp phần tích cực trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước theo đúng tinh thần Hiến pháp, giúp cho việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của bộ máy hành pháp được đúng đắn; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của bộ máy hành pháp xuất phát từ yêu cầu của kiểm soát quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước có sức mạnh tác động, chi phối bất các đối tượng phục tùng. Việc lạm dụng quyền lực của một giai cấp, một lực lượng chính trị nào đó sẽ làm ảnh hưởng tới quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp khác, xâm hại trực tiếp tới quyền, lợi ích cơ bản của công dân. Nên làm sao để quyền lực nhà nước được sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích vì sự phát triển chung của xã hội, đáp ứng yêu cầu của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội là một vấn đề đặt ra ở tất cả các nhà nước văn minh⁽¹⁾.

Muốn vậy, quyền lực nhà nước cần phải được kiểm soát để không bị lạm dụng và sai mục đích. Giáo sư Trần Ngọc Đường cho rằng: “Cái khó nhất trong thiết kế một chính quyền nhà nước trước hết là làm cho Nhà nước có khả năng kiểm soát được xã hội và sau nữa - không kém phần quan trọng - là buộc Nhà nước phải tự kiểm soát được chính mình. Vì thế, kiểm soát quyền lực nhà nước theo nghĩa rộng chính là việc thiết kế tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước sao cho đạt được mục đích chính trị chung và đạt được hiệu quả. Xét theo nghĩa hẹp, kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ những phương thức, quy trình, quy định mà dựa vào đó, nhà nước và xã hội có thể ngăn chặn, loại bỏ những hoạt động sai trái của các thiết chế quyền lực nhà nước, phát hiện và điều chỉnh được việc thực thi quyền lực nhà nước, đảm bảo cho quyền lực nhà nước thực thi đúng mục đích chung và đạt được hiệu quả cao nhất”⁽²⁾.

Trong một xã hội dân chủ, quyền lực nhà nước xuất phát từ nhân dân, khi nhân dân trao quyền cho nhà nước để thực hiện quyền lực đó thì đồng thời mong muốn quyền lực đó được sử dụng đúng mục đích, vì quyền lợi của nhân dân. Vì vậy, kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu tất yếu của một xã hội dân chủ.

Trong thời gian qua, các cơ chế kiểm soát quyền hành pháp đã góp phần giúp cho việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước được đúng đắn, nhiều hành vi vi phạm của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức bị phát hiện và xử lý kịp thời.

Trong lĩnh vực thanh tra, theo Báo cáo tổng kết 6 năm thi hành Luật Thanh tra 2010, trong giai đoạn từ 01/7/2011 đến 30/6/2017, toàn ngành Thanh tra đã triển khai 47.449 cuộc thanh tra hành chính và 1.263.311 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 191.929 tỷ đồng và 29.428 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 159.474 tỷ đồng, 14.564 ha đất; đã kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính đối với 8.514 tập thể, 33.337 cá nhân; xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 27.333 tỷ đồng; chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý 464 vụ, 583 đối tượng.

Qua thanh tra, đã phát hiện nhiều sơ hở, thiếu sót trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật và kiến nghị khắc phục, hoàn thiện; đã tích cực, chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Các kết luận thanh tra hầu hết được ban hành theo đúng quy định bảo



đảm có căn cứ và khả thi, trong đó chỉ ra những sai phạm, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, kiến nghị khắc phục sai phạm, sở hữ, yếu kém, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

Theo Báo cáo tổng kết 04 năm thi hành Luật Khiếu nại 2011, Luật Tố cáo 2011 của Thanh tra Chính phủ, trong giai đoạn từ 2012 - 2016, các cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp nhận, xử lý 386.572 đơn khiếu nại, tố cáo với 268.225 vụ việc. Trong đó, tiếp nhận, xử lý 317.305 đơn khiếu nại với 233.028 vụ việc; 169.512 vụ việc thuộc thẩm quyền, chiếm 84,7% tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo (KNTC). Về tố cáo, tiếp nhận, xử lý 69.267 đơn tố cáo với 45.197 vụ việc.

Về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, các cơ quan hành chính nhà nước giải quyết 199.567 vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền trong tổng số 237.168 vụ việc (đạt trên 84%). Qua giải quyết KNTC đã thu hồi về cho Nhà nước gần 860,7 tỷ đồng, 316 ha đất; khôi phục quyền lợi cho 13.617 công dân với số tiền 512 tỷ đồng và 418,6 ha đất; kiến nghị xử lý hành chính 2519 người; chuyển cơ quan điều tra 205 với 188 người.

Đối với lĩnh vực Kiểm toán Nhà nước, trong 10 năm (từ 2006 - 2016), Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính hơn 187.530 tỷ đồng, chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý tổng số 477 vụ việc (trong đó chuyển cơ quan điều tra 73 vụ với 159 người có hành vi tham nhũng); đóng góp nhiều kiến nghị để hoàn thiện chính sách, pháp luật⁽³⁾.

Về lĩnh vực kiểm tra, giám sát của Đảng, đây là một trong những giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Thông qua việc kiểm tra, giám sát đối với đảng viên và tổ chức đảng, Đảng thực hiện việc giám sát việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, xử lý kỷ luật đối với nhiều đảng viên vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của Đảng. Chỉ tính riêng kể từ đầu nhiệm kỳ khoá XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật hơn 70 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 01 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và 04 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khoá XII, 14 đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 01 đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, 05 đồng chí Bộ trưởng

và nguyên Bộ trưởng, 02 đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, 05 đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh uỷ và 17 đồng chí là tướng lĩnh; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã kỷ luật 07 tổ chức đảng (Ban cán sự đảng Bộ Công Thương, Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải, Ban Thường vụ Đảng uỷ Ngoài nước, Ban Thường vụ Thành uỷ Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc)⁽⁴⁾.

(Còn nữa)

Chú thích:

(1) Nguyễn Văn Tuấn, *Luận án tiến sĩ luật học, Vai trò của các cơ quan thanh tra nhà nước trong việc kiểm soát việc thực hiện quyền hành pháp ở Việt Nam*, Tr.56

(2) GS.TS Trần Ngọc Đường (2012), *Kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, <http://www.na.gov.vn>

(3) Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng

(4) Trích Bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (khóa XII) ngày 12/10/2019 của Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng



Ảnh: Trần Chính



Ảnh: Trần Chính

Nhìn lại một năm triển khai Quyết định số 1849/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

 Lam Anh

Sau hơn 01 năm triển khai, việc thực hiện Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định 1849) về thành lập Tổ công tác chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài do Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình làm Tổ trưởng đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Sự chuyển biến trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trên cơ sở Quyết định số 1849 của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ đã tham mưu xây dựng, ban hành Kế hoạch chỉ đạo, giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, bao gồm: Kế hoạch số 02/KH-TCT ngày 18/01/2019; Quy chế làm việc của Tổ công tác; Quyết định thành viên Tổ công tác (Quyết định số 25/QĐ-TCT ngày 20/02/2019).

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Điều 3, Quyết định 1849, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định thành lập tổ giúp việc cho Tổ

công tác của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 101/QĐ-TTCP ngày 26/2/2019), đồng thời xây dựng và ban hành Kế hoạch số 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 về kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài nhằm hướng dẫn các địa phương triển khai: Thành lập tổ công tác do lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố làm Tổ trưởng, thành viên nòng cốt là Chánh Thanh tra, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an, Trưởng Ban Tiếp công dân; ban hành kế hoạch, xác định tiêu chí và lập danh sách vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người,



phức tạp, kéo dài; trình tự kiểm tra, rà soát và các phương án giải quyết nhằm chấm dứt khiếu nại.

Theo Báo cáo số 29/BC-TTCTP ngày 07/1/2020 của Thanh tra Chính phủ về kết quả thực hiện của Tổ công tác theo Quyết định số 1849 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ, đến nay, Tổ công tác đã trực tiếp làm việc tại 08 địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang, Hưng Yên, Hải Dương. Dự kiến thời gian tới, Tổ công tác sẽ tiếp tục làm việc tại các địa phương: Hà Tĩnh, Bình Định, Kiên Giang và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian triển khai nhiệm vụ, Tỉnh/Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố đã dành nhiều sự quan tâm tới công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các cấp chính quyền đã nghiêm túc quán triệt, tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. UBND các tỉnh đã triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tiếp công dân năm 2013, Luật Tố cáo năm 2018; đồng thời xác định công tác giải quyết khiếu nại của công dân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành. Đối với một số vụ việc phức tạp, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp đối thoại với công dân, có biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Trong năm 2019, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân các địa phương diễn ra tại Thủ đô Hà Nội so với cùng kỳ năm 2018 tăng 9,2% số lượt người (16.928/14.925), giảm 21,27% số vụ việc (3.257/3.950) và tăng 10,13% số lượt đoàn đông người (435/395). Mặc dù số lượt đoàn đông người tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng tính chất gay gắt và bức xúc đã giảm nhiều; một số đoàn công dân khiếu kiện đông người thuộc các địa phương nằm

trong danh sách kiểm tra của Tổ công tác theo Quyết định số 1849 trong thời gian qua đã ít kéo tới các cơ quan Trung ương hoặc có tới Thủ đô để khiếu kiện nhưng không lưu trú dài ngày, không diễu hành trên các tuyến phố, không đến nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Đó là công dân của các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh (đoàn công dân khiếu kiện quận 12), Tiền Giang, Hải Dương, Long An, Đồng Nai, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Lạng Sơn, Đắk Lắk.

Thực hiện Quyết định số 1849 và Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ, UBND các tỉnh đã xây dựng, ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện, thành lập Tổ công tác để rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc gửi báo cáo phục vụ việc kiểm tra theo yêu cầu của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ còn chậm.

Thanh tra Chính phủ cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế ở các địa phương trong Báo cáo 29/BC-TTCTP như: Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền một số địa phương có lúc, có nơi chưa thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân; việc tiếp công dân, tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo đôi lúc còn mang tính hình thức, chưa thực sự cầu thị, lắng nghe, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo để có biện pháp giải quyết dứt điểm; còn có tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm dẫn đến người dân bức xúc, khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp; chưa chủ động phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan ở Trung ương trong việc tiếp dân, vận động đưa công dân trở về địa phương để giải quyết theo thẩm quyền, đặc biệt là trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, cũng như trong các dịp lễ, tết...

Tại Hội nghị về giải quyết khiếu nại, tố cáo diễn ra ngày 19/5/2018, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã đánh giá: "Tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn còn diễn biến phức tạp, còn tồn đọng nhiều vụ việc

đông người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết hoặc đã giải quyết nhưng chưa dứt điểm". Trên cơ sở đó, ngày 27/12/2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1849/QĐ-TTCTP về việc thành lập Tổ công tác chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài do đồng chí Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình làm Tổ trưởng. Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành từ Trung ương tới địa phương, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có những chuyển biến tích cực, góp phần giảm bớt tình trạng gay gắt, bức xúc của công dân khiếu nại, tố cáo tại các địa phương.

Cụ thể, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND các tỉnh, thành phố có nhiều chuyển biến tích cực. Các địa phương đã thành lập Tổ công tác chỉ đạo kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc kiểm tra, rà soát; lập danh sách các vụ việc cần kiểm tra, rà soát; tập trung tìm kiếm biện pháp nhằm giải quyết dứt điểm các vụ việc; chủ động, báo cáo, đề xuất với Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình biện pháp giải quyết đối với các nội dung vượt quá thẩm quyền của địa phương.

Để không gây ra sự xáo trộn tại địa phương nên chương trình làm việc của Tổ công tác không được công bố rộng rãi nhưng bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, các buổi làm việc của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại địa phương đã được người dân khiếu nại, tố cáo biết đến và tạo ra tâm lý phấn khởi, kỳ vọng của nhân dân, đồng thời cũng là cơ hội để công dân bày tỏ mong muốn đồng chí Phó Thủ tướng thường trực có những chỉ đạo để giải quyết dứt điểm.

Tăng cường đối thoại, tiếp công dân ngay tại cơ sở

Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ cho thấy:



Về cơ bản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có sự quan tâm, tập trung chỉ đạo việc thực hiện kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn chậm hoặc trong quá trình triển khai chưa đảm bảo đáp ứng mục đích, yêu cầu và các tiêu chí đã đề ra theo Kế hoạch số 363/KH-TTCTP.

Cùng với chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình, Thanh tra Chính phủ đã chủ động ban hành Kế hoạch số 1248/KH-TTCTP ngày 26/7/2019 về phối hợp tổ chức tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Đến nay, đã có trên 20 địa phương xây dựng kế hoạch triển khai, điều đó cho thấy sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả của công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

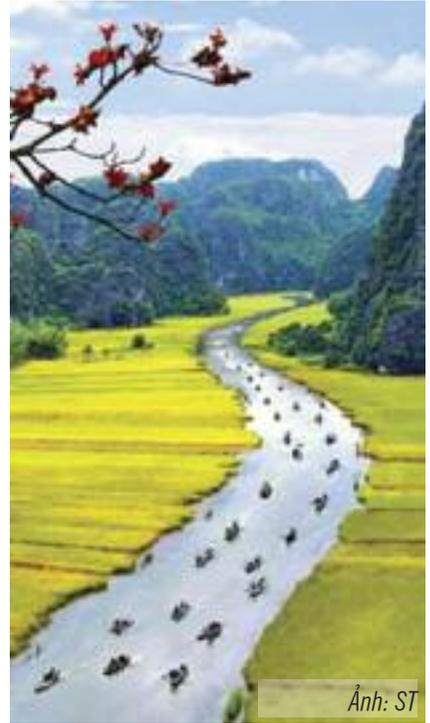
Qua quá trình triển khai việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài và Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ, bên cạnh những kết quả đạt được còn một số địa phương vẫn chưa tập trung cao độ trong việc thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng như của Tổ công tác nên kết quả đạt được còn hạn chế.

Thanh tra Chính phủ kiến nghị Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lãnh đạo cấp ủy, chính quyền phải quán triệt, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị và Luật Tiếp công dân năm 2013; tăng cường đối thoại, tiếp công dân ngay tại cơ sở, tập trung giải quyết dứt điểm, kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ khi mới phát sinh. Khi có công dân tập trung khiếu kiện đông người ở các cơ quan Trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố phải chủ động chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, kịp thời với Thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng của Trung ương và thành phố Hà Nội để tổ chức tiếp công dân, có biện pháp hữu hiệu đưa công dân trở về địa phương giải quyết, không để diễn ra tình trạng công dân tụ tập, khiếu kiện đông người tại Thủ đô Hà Nội, nhất là vào các thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và các ngày lễ, tết.

Mặt khác, thực hiện đồng bộ các giải pháp theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện nghiêm túc, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đã có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ý kiến của các bộ, ngành chức năng của Trung ương và các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận giải quyết tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

“Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố phải triển khai và nghiêm túc thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ; thường xuyên có báo cáo cập nhật tình hình, kết quả thực hiện đồng thời chủ động tìm kiếm biện pháp nhằm giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài”, Thanh tra Chính phủ đề xuất.

Ngoài ra, riêng đối với các vụ việc Tổ công tác đã kiểm tra, Tổ trưởng Tổ công tác đã có Thông báo Kết luận, đề nghị giao Thanh tra Chính phủ thông báo nội dung đến công dân được biết khi công dân tới Trụ sở Tiếp công dân Trung ương để khiếu nại, tố cáo./.



Ảnh: ST

Ngày xuân trẩy hội

Bụi mưa gài mái tóc
Óng ánh hạt kim cương
Phơi phới cặp môi hồng
Ơi thương, sao mà thương!

Bụi mưa gài mái tóc
Sắc màu tươi nét Xuân
Nắng cười bay theo gió
Rú rít tiếng chim ngân

Bụi mưa gài mái tóc
Thoăn thoắt bước chân dài
Em ơi, đi chậm lại
Cho anh sát bờ vai

Bụi mưa gài mái tóc
E thẹn nữa mà chi?
Ngày Xuân vui trẩy hội
Đường yêu ta cùng đi!

Đào Hanh



Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An: “Khắc tinh” xe quá khổ, quá tải

Trần Huy



Ảnh: PV

Nghệ An là địa bàn có nhiều tuyến đường trọng điểm với lượng phương tiện tham gia giao thông đường bộ đứng thứ ba cả nước. Mặc dù lực lượng cán bộ, thanh tra viên còn mỏng, nhưng Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An luôn chủ động tham mưu UBND tỉnh với những kế hoạch thường xuyên, liên tục và tổ chức tốt công tác kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ và vi phạm kích thước thành

thùng xe, qua đó góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng xe quá khổ, quá tải trên địa bàn.

Theo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, hiện nay, cả nước có khoảng 40 địa phương liên tục duy trì hoạt động của Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động, các địa phương khác sử dụng cân xách tay thực hiện công tác kiểm soát tải trọng xe, đã đạt được những kết quả khả quan, góp phần ngăn chặn tình trạng xe quá tải tái diễn. Tuy nhiên, do lực lượng Thanh tra giao thông các Sở Giao thông vận tải chỉ kiểm soát tải

trọng xe trên các quốc lộ được ủy quyền quản lý và đường địa phương, các lực lượng khác buông lỏng nên tình trạng xe quá tải đã bùng phát trở lại. Tình trạng này chủ yếu xuất hiện trên các quốc lộ và một số đường địa phương nơi có các mỏ vật liệu xây dựng, các dự án xây dựng, san lấp mặt bằng, nhà máy xi măng, khu công nghiệp, bến thủy nội địa... , xe sang tải, dón tải xung quanh khu vực các cảng nhỏ, bến thủy nội địa...

Theo phản ánh của các cơ quan báo chí và người dân về đường dây nóng của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, phổ biến tình



trạng xe coi nới kích thước thành thùng để chở hàng quá tải, lưu thông công khai trên một số quốc lộ, đường đô thị và đường địa phương, gây hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường. Cụ thể, xe chở hàng quá tải lưu thông đường dài trên QL.6 qua Hòa Bình, Sơn La... Lưu thông trên QL.1 từ Bắc vào Nam và ngược lại; Các xe tải, xe ben có kích thước thùng hàng vượt quá quy định, chở đất quá tải từ các mỏ đất tại xã Hợp Thanh, huyện Lương Sơn, lưu thông trên tuyến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hòa Bình; Các xe tải tự đổ, xe ben chở vật liệu xây dựng quá tải lưu thông trên các tuyến đường ngoại thành thành phố Hà Nội như QL.21, QL.32 địa phận các huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Ba Vì, Quốc Oai, Thạch Thất, thị xã Sơn Tây...

Đặc biệt, Nghệ An là tỉnh có địa bàn rộng nhất cả nước, có 24.910,09 km đường bộ, bao gồm 17 tuyến quốc lộ, 38 tuyến tỉnh lộ và các tuyến đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng được kết nối với các cảng biển, cửa khẩu và các tuyến đường trọng điểm của cả nước như Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh... Trong những năm gần đây, số lượng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại Nghệ An luôn tăng cao, bình quân mỗi năm đăng ký mới trên 10.000 phương tiện, đưa tổng số phương tiện được quản lý trên địa bàn tỉnh đứng thứ 3 cả nước và có khoảng trên 22.000 xe ô tô tải tự đổ. Bên cạnh đó, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có nhiều công trình, dự án trọng điểm đang xây dựng... nên tình trạng xe chở quá tải, quá khổ và coi nới kích thước thành thùng chở hàng quá tải vẫn hoạt động ở một số địa bàn, tuyến đường khi không có lực lượng chức năng kiểm soát. Vì vậy, việc ngăn chặn tình trạng vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An.

Để kịp thời ngăn chặn tình trạng vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An, bên cạnh những giải pháp thiết thực như đã nói ở phần trên, ngay từ đầu năm 2019, Sở Giao thông vận

tải cũng đã xây dựng kế hoạch cụ thể để tập trung lực lượng chủ động kiểm tra, xử lý đối với phương tiện chở hàng quá khổ, quá tải, vi phạm kích thước thành thùng xe; đề nghị các Ban quản lý dự án và nhà thầu thi công dự án trên địa bàn khi ký hợp đồng thực hiện dự án phải có nội dung cam kết tuân thủ đúng quy định về tải trọng phương tiện và kích thước thùng xe khi vận chuyển vật liệu và coi đây là một trong các tiêu chí để xem xét chấm dứt hợp đồng nếu vi phạm.

Bên cạnh đó, Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An cũng công khai số điện thoại đường dây nóng (0903.24.37.37) trên các phương tiện thông tin đại chúng và giao cho 01 đồng chí Phó Chánh thanh tra Sở tiếp nhận, xử lý những thông tin phản ánh của người dân và tổ chức liên quan đến công tác kiểm soát tải trọng xe, vi phạm kích thước thành thùng xe. Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải Nghệ An kiện toàn lực lượng, tiếp tục duy trì hoạt động của Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động số 15 để kịp thời kiểm tra, xử lý phương tiện vi phạm quá tải, quá khổ, vi phạm kích thước thành thùng xe.

Đặc biệt, Sở Giao thông vận tải Nghệ An đã phối hợp với các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, tăng cường tuyên truyền công tác kiểm tra tải trọng xe. Qua đó, các cơ quan báo, đài đã kịp thời đưa tin, phản ánh những vấn đề tích cực, chưa tích cực, hạn chế, khó khăn trong công tác kiểm tra, xử lý xe chở hàng quá khổ, quá tải và coi nới kích thước thành thùng; nhất là chương trình An toàn giao thông hàng ngày trên Đài truyền hình Nghệ An NTV, các báo viết, báo mạng... Với sự tham mưu tích cực của Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An, Sở Giao thông vận tải tỉnh này đã chủ trì tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp vận tải, chủ hàng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; Tổ chức 04 đợt ký cam kết với hơn 250 doanh nghiệp vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và chủ mỏ khoáng sản, đơn vị sản xuất vật liệu tại các địa bàn trọng điểm có nhiều xe quá tải, quá khổ như Yên Thành, Quỳnh Hợp, Quỳnh Lưu, Đô Lương...

Trong năm 2019, Sở Giao thông vận tải đã ban hành quyết định thành lập 04 Đoàn kiểm tra xử lý vi phạm tải trọng xe, vi phạm kích thước thành, thùng xe; Đồng thời, chỉ đạo các Đội Thanh tra Giao thông vận tải khu vực thường xuyên kiểm tra, xử lý đối với các phương tiện vi phạm. Bên cạnh đó, Thanh tra Sở đã phối hợp với Công an tỉnh, Cục Quản lý đường bộ II để xử lý các hành vi vi phạm về chở quá tải, quá khổ, vi phạm kích thước thành thùng xe trên các tuyến Quốc lộ do Trung ương quản lý. Kết quả như sau:

Thanh tra Sở đã kiểm tra, xử lý đối với 1.752 tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính, thu nộp ngân sách nhà nước số tiền tương ứng là 4.035.100.000 đồng (so với năm 2018, số tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính tăng 17%); tước Giấy phép lái xe 436 trường hợp; tước Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (CNKĐ ATK&BVMT) đối với 72 trường hợp; tổ chức 05 đợt cắt thành thùng đối với 121 xe vi phạm.

Để kiểm tra xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm đối với các khu vực đầu nguồn hàng như mỏ khoáng sản, mỏ vật liệu, nhà máy sản xuất vật liệu..., Thanh tra Sở đã bố trí cán bộ, thanh tra viên chốt chặn 24/24h buộc các phương tiện vi phạm phải chở hàng đúng tải trọng và cắt bỏ thành thùng xe coi nới. Đối với các phương tiện vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải, coi nới kích thước thùng xe, khi lực lượng phát hiện được sẽ tiến hành xử lý nghiêm theo quy định. Trường hợp cố tình chây ỳ không hợp tác, không xuất trình giấy tờ, đóng cửa xe bỏ đi, Thanh tra Sở đã phối hợp với lực lượng chức năng, chính quyền địa phương lập biên bản kiểm tra tại hiện trường dựa trên kích thước, khối lượng hàng hóa đo, đếm và ghi nhận được để từ đó lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành Quyết định xử phạt để buộc đối tượng vi phạm phải chấp hành, qua đó đã giảm thiểu được các trường hợp chống đối lực lượng chức năng trong công tác kiểm tra xử lý vi phạm chở hàng quá khổ, quá tải.



Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được như trên thì lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An còn gặp một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý xe quá khổ, quá tải và vi phạm kích thước thùng xe. Lực lượng cán bộ, thanh tra viên của Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An còn quá ít, không đủ đáp ứng yêu cầu công tác của từng Đội Thanh tra trên địa bàn quản lý.

Ngoài ra, do đặc thù về địa lý có nhiều tuyến đường, địa bàn rộng, nhiều phương tiện... nên việc quản lý, kiểm soát toàn bộ phương tiện vận tải trong đó có phương tiện vi phạm tải trọng xe, kích thước thành thùng gặp rất nhiều khó khăn. Vẫn còn tình trạng lái xe, chủ xe vi phạm không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của lực lượng Thanh tra giao thông vận tải. Lái xe chây ì không hợp tác, chống đối, đóng cửa xe bỏ đi, không xuất trình giấy tờ xe đã gây khó khăn cho công tác kiểm tra và xử lý vi phạm nói chung và xử lý xe quá tải, quá khổ và vi phạm kích thước thùng xe nói riêng.

Trong quá trình thực thi công vụ của lực lượng chức năng, chủ phương tiện đã bố trí người theo dõi để hướng dẫn cho xe vi phạm dừng, đậu và trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng chức năng. Còn một số doanh nghiệp, chủ xe, lái xe đã ký cam kết khắc phục cất phần coi nói thành thùng xe nhưng chưa tự giác thực hiện, đây là một trong những nguyên nhân để chở hàng quá khổ, quá tải.

Trong thời gian tới, Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát tải trọng xe trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao như tăng cường phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện của địa phương, kiểm tra tại các cơ sở đầu nguồn hàng như các nhà máy, xí nghiệp trong các khu công nghiệp, các mỏ đá, mỏ vật liệu xây dựng... và trên các tuyến đường có nhiều xe quá tải lưu thông, đặc biệt là vào ban đêm; Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ động phối hợp với công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra các Cục Quản lý đường bộ để nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát tải trọng xe. Phối hợp với các cảng kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp không có Giấy phép lưu hành xe hoặc sử dụng Giấy phép lưu hành xe giả, sang tải, dồn tải, lưu thông trên đường bộ; tăng cường kiểm tra các xe chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành xe lưu thông trên các tuyến đường.

Đồng thời, tăng cường kiểm tra, xử lý các loại xe tải, sơ mi rơmooc tự đổ, coi nói thành thùng để chở hàng quá tải; tổng hợp các xe vi phạm kích thước thùng hàng vượt quá quy định gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam để xử lý theo quy định. Lực lượng Thanh tra giao thông tỉnh Nghệ An tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm trong khi làm nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa sai phạm trong khi làm nhiệm vụ. Phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí trong công tác tuyên truyền về kiểm soát tải trọng phương tiện./.

Địu dàng tháng Giêng

Tháng Giêng vời vợi mắt gió trong veo
Giấc mơ vườn mẹ xanh mỡ màng hoa lá
Giọt yêu thương sóng sánh ngày êm ả
Tóc gió bay bay níu vạt nắng loang thềm

Tiếng hát mơ tan vào khói mỏng ru êm
Vạt áo em vương ráng chiều lung liêng gió
Tháng Giêng thơm chợt trầm tư như cỏ
Khi ánh nhìn em dịu đặt chạm vai mùa

Sông hát xao lòng thao thiết tiếng chèo khua
Những chiếc thuyền nan là nốt trầm thổn thức
Hoa cải đợi ai mà võ vàng ký ức
Tháng Giêng lừa thưa mảnh trăng võ mơ màng

Lướt thướt mưa thâm thĩ nổi riêng mang
Nhật vẫn thơ nồng nàn vương tơ gió
Tháng Giêng ơi còn lời gì chưa ngộ
Để cánh bướm ngập ngừng chạm võ giọt xuân xanh...

Trần Thanh Thoá



Ảnh: Trần Chính



Tháng Giêng

nhưng nhớ bao nhiêu cho vừa!

Tôi hay nản ná với mấy ngày nghỉ phép để ở lại với quê trong những ngày tháng Giêng. Những ngày này không hiểu sao tôi thấy yên bình lắm! Mọi thứ dường như đang chuyển động rất chậm. Tự cho phép mình được ngủ nướng một chút, thức dậy khi nắng đã rọi thẳng vào phòng chói lóa cả mắt. Không phải vội vã bận rộn rồi phóng xe đi làm. Cũng chẳng lo kẹt xe hay trễ giờ. Đôi khi thức giấc đã thấy mùi xôi nóng hổi mẹ để trên bàn. Ngắm lại, thiết tình, trong mắt của những ông bố bà mẹ, dấu con cái mình lớn tướng thì vẫn còn bé bỏng, ngây thơ lắm nên họ vẫn cứ chăm lo từng li từng tí. Tôi cảm giác xôi ăn mà hạnh phúc vô ngần, hân hoan như có muôn vàn tia nắng xuân ấm áp đang ở trong lòng. Hạnh phúc với tôi như thế là quá đủ đầy và trọn vẹn.

Tháng Giêng ở quê thật đẹp! Tháng Giêng vẽ nên một bức tranh quê khổng lồ với những gam màu hài hòa, tinh xảo đến không ngờ. Khó có thể có một họa sĩ tài hoa nào có thể vẽ nên một bức tranh quê chân thực và sôi động như vậy. Tôi thấy mình quá may mắn khi được sinh ra và lớn lên ở miền quê vừa có đồng ruộng lại vừa có núi non. Phía núi đồi ngời ngời là dãy cây sừng sững, qua Giêng phủ một màu xanh bạt ngàn. Phía đồng mênh mông là những ô lúa đã kịp bén rễ, xanh non. Tháng Giêng, én về nhiều vô kể, chao liệng đen đặc cả một bầu trời, dặt dìu từng khúc nhạc xuân. Người nông dân đi thăm đồng thong thả



Ảnh: ST

dưới làn mưa phùn lất phất, mỏng tang như giọt lưa phơ phất đi trong cội mộng. Phút chốc, tôi cảm tưởng khoảnh khắc thời gian ấy như ngưng đọng lại.

Tháng Giêng thật diệu kì!

Những ngày tháng Giêng tôi muốn được ở bên mẹ nhiều hơn. Muốn làm việc cùng mẹ để bù đắp cho nỗi nhớ mẹ, nhớ nhà sau nhiều ngày dài đằng đẵng mưu sinh trên phố. Lạ thay, ở gần mẹ cả ngày nhưng tôi vẫn thấy nhớ mẹ. Nhớ những lần hai mẹ con cầm cuốc, hạt giống lên nương cuốc lỗ rồi tra hạt. Tháng Giêng mẹ trồng đỗ đen, đỗ xanh, trồng cà tím và dất vài hom sắn. Nhìn từng mầm xanh bé xíu đang nhu nhú dưới đám đất nâu lòng tôi xao động, mơ về sự hồi sinh mãnh liệt của cây giống và một mùa màng bội thu. Rồi băng khuâng nghĩ ngợi, không biết trong cuộc đời này còn bao nhiêu mùa tháng

Giêng tôi được cùng mẹ lên nương như thế này nữa.

Những ngày tháng Giêng mẹ hay làm những món ăn cho chị em tôi ăn. Mẹ “ép thức” hai chị em ăn thật nhiều, vì với mẹ “Ở phố đồ chẳng được ngon như đồ ở quê đâu”. Mẹ ra vườn hái rau đắng làm nộm. Rau đắng hái vào rửa sạch, ngâm qua nước muối rồi chần nước sôi trộn lẫn một chút đậu phộng, rau thơm, muối, đường, tiêu, ớt thành một món nộm thật ngon lành, ăn đưa cơm hết xảy. Rồi mẹ nấu khoai xéo. Nguyên liệu để nấu khoai xéo là khoai lang cắt lát phơi khô, đổ đen, nếp nương, đậu phộng. Dường như khoai xéo rất hợp ăn vào những ngày Giêng đang thì. Với tôi, mẹ nấu món nào cũng ngon, ăn mãi vẫn không biết chán. Còn mẹ thì ăn ít lắm. Không phải mẹ không thích ăn mà mẹ nhường cho chúng tôi. Tôi nhắc mẹ: “Mẹ ăn đi chứ!”. Mẹ cười: “Cứ kệ mẹ đi, nhìn



hai con ăn mẹ cũng đã thấy no rồi”. Lớn lên đi xa, nhớ về gia đình, nhớ mẹ lòng lại quay quắt, quặn thắt.

Tháng Giêng có năm trời trở khoáy lạnh lắm! Cái lạnh cảm giác như buốt tới tận xương. Những cây rau của mẹ lạnh quá, còi cọc chẳng mọc nổi. Bữa ăn vì thế mà cũng ít màu xanh hơn. Mắt mẹ buồn rầu nhìn đàn con ăn, nói đợi nắng lên về mẹ nấu cho ăn bù. Hứa với mẹ sau Giêng về nhà nhưng lại bận bịu công việc chẳng về được. Gọi điện cho mẹ, giọng mẹ hồ hởi khoe rau xanh tốt, khoe đàn gà trống choai đang thì lớn và khoe năm nay mẹ tra được tận một sào đỗ đen. Không đứng lại muốn xin nghỉ phép trở về với mẹ xiết bao.

Tháng Giêng năm nay cũng đã ngập ngừng bên hiên rồi. Bạn biết không? Lòng tôi đang nôn nao quá thể. Nhẹ nhàng nói với sếp xin được nghỉ phép trong ngày Giêng để về với mẹ. Chao ôi, lại thèm. Thèm được ngủ nướng với nắng tháng Giêng rọi thẳng vào mặt, ngồi bên cửa sổ nghe bầy chim quê hót ríu rần. Thèm được làm việc cùng mẹ, thèm được ăn những món ăn mẹ nấu...

Rồi lòng ngẩn ngơ tự hỏi: “Tháng Giêng, nhớ nhưng yêu thương bao nhiêu cho vừa?!”

Nguyễn Văn Chiến



Anh: Trần Chính

Ngày đã đang xuân...

Ngày đã đang xuân. Mọi thứ dường như luôn tươi mới và ngọt ngào quá đỗi. Kể cũng bỡ ngỡ mấy tháng đông dài đằng đẵng rét buốt ta ngóng trông, chờ đợi. Để hôm nay đứng giữa trời xuân lòng ta hân hoan quá thể, bên lồng ngực, trái tim đập rộn ràng. Nhìn kia! Cây cối đã biếc xanh những chồi những nụ! Hoa cỏ bạt ngàn sắc, hương tỏa đưa! Và gió thì đang mơn man đùa vui cùng với chim muông!

Ngày đã đang xuân. Nắng xuân vàng ươm như mật ong lóng lánh nhảy múa từ sân ra ngõ, rồi tràn ra đường, ra cánh đồng lúa đang thì con gái mẹ khom lưng nhỏ cỏ. Nắng dát vàng rực rỡ trên môi thiếu nữ mười sáu, mang hơi ấm xua tan đi cái lạnh giá, kéo về bao niềm vui hân hoan. Đàn em thơ tung tăng chân sáo cắp sách đến trường. Nắng đùa nghịch cùng vòng xe học trò, len vào trang vở trắng tinh khôi. Nắng ùa vào lớp học, lén nghe thầy cô đang giảng bài, rồi lại chạy ra phía tán phượng, tán bàng nơi sân trường lá đang rung rinh. Có nhiều lần ta mãi mê ngắm nắng để rồi bị thầy cô trách mắng vì lơ là không chịu học bài. Biết là thầy cô chỉ mắng yêu thôi nhưng ta vẫn dỗi hờn, rồi trách nắng, trách xuân. Thật là ngây ngô! Nhưng đó cũng là tháng ngày khiến ta rung động và xuyên xao nhất! Tự bao giờ ta luôn muốn được làm ánh nắng mùa xuân tung tẫy trên bầu trời rộng lớn, tự do bay đi muôn nơi truyền âm áp và chan hòa bình yên!

Ngày đã đang xuân. Mưa bụi giăng từng màn mưa nhỏ bé mỏng tang! Những hạt mưa diệu kỳ! Mưa làm hạt mầm của mẹ nảy nở. Mưa làm cây lúa của cha bén rễ. Mưa gieo vào niềm nhớ thương của người con xa quê. Ta nhớ cơn mưa bụi năm nào cùng mẹ cha ra đồng trồng cây, nhỏ cỏ. Là mưa bay bay trên lưng rồi sà vào mặt mát lạnh, cảm giác mơn man rất khó tả. Mẹ nói rằng nhờ có những cơn mưa bụi mà cây cối tươi tốt hơn và mượn mưa ngụ ý dạy con cái rằng đừng vì thấy chúng nhỏ bé mà khinh thường, và trong cuộc sống cũng nên tận dụng từng cơ hội, khoảnh khắc bé để vươn lên, làm bàn đạp cho bản thân. Tự trong lòng ta khắc ghi lời mẹ dạy! Cảm ơn mưa bụi, cảm ơn tháng ngày xuân đã giúp ta trưởng thành hơn rất nhiều.



Ngày đã đang xuân. Có nỗi nhớ nào hơn nỗi nhớ quê nhà của những người con xa quê vì mưu sinh, cơm áo gạo tiền mà biển biệt xứ người như ta. Ta thêm lấm không khí xuân về ẩm cúng bên gia đình. Tiếng nói cười của mẹ cha, của đàn em thơ là khúc nhạc xuân dịu dàng đậm ấm nhất. Rồi bữa cơm gia đình, làm sao ta quên được cơ chứ? Tự lòng an ủi rằng, cố gắng thêm ít mùa xuân nữa rồi về với mẹ cha, với quê hương yêu dấu! Từ trong nỗi nhớ ta ước mầm những khát vọng, những ước mơ và những nỗ lực. Từ trong ngày xuân ta biết bản thân phải mạnh mẽ như hạt giống của mẹ, đội đất cần để bật dậy mầm xanh, vươn lên đón nắng và gió. Chờ đợi tháng ngày hái quả ngọt!

Ngày đã đang xuân và lòng ta cũng vẫn đang xuân. Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, của những sức trẻ mãnh liệt, kiên cường. Tạm quên hết những u sầu trong năm cũ để khởi hành năm mới cùng một mùa xuân mới đang cuộn cuộn chảy. Cũng như mọi năm, ta bắt đầu viết lên những dòng đầu tiên cho bản kế hoạch bản thân. Sống cho bản thân và cho gia đình nhiều hơn, đó là điều ta luôn khắc nhớ! Ta cũng bớt huyên hoạc, bớt sân si, mãi miết chạy theo những phù du mà tìm kiếm sự bình an, giản dị trong thường nhật!

Ngày đã đang xuân. Xin cảm ơn tạo hóa đã ban tặng mùa xuân xinh đẹp, cho ta thêm niềm tin, sức sống và cảm xúc đẹp vô ngần...

Cao Văn Quyền

Trở về...

 **Truyện ngắn của Huỳnh Thị Kim Cương**



Minh họa: Phạm Tấn Phú

Đi qua mấy bận dò tới một đoạn đường đất sinh lầy, Tâm mới đến được nhà cô Thắm. Con đường quanh co nhiều lối rẽ, nhiều lần Tâm muốn trở về vì gần sông cách biệt. Nhưng những hình ảnh về cô Thắm cứ hiện dần trong đầu của Tâm. Mỗi lần nhớ đến cô Thắm, Tâm đều thấy lòng mình chùn lại như muốn sống chậm thêm, bỏ mặc ngoài kia những tất bật bon chen. Nên con đường cứ mở lối mà đi...

Hồi Tâm học tiểu học, nhà không có hạt gạo phải chạy vạy khắp nơi, má Tâm cứ bệnh rề rề bao nhiêu tiền ba Tâm làm mướn kiếm được cũng mang ra chạy chữa cho má Tâm vẫn không đủ đầu vào đầu. Tâm nghỉ học lúc thi cuối học kì I, cô Thắm đến tận nhà an ủi, cô còn vận động cán bộ xã giúp đỡ tiền bạc, vật chất, ai có gì góp nấy. Tâm trở lại với lớp, cô Thắm tận tình chỉ bảo, phần kiến thức bị hỏng của Tâm được cô Thắm chỉ cho trong những giờ ra chơi hoặc vào đầu giờ học. Nhờ vậy mà Tâm theo kịp các bạn trong lớp. Biết hoàn cảnh của Tâm khó khăn nên lúc nào cô cũng động viên, nhà có dư cái gì chút ít cô đều mang đến lớp cho Tâm. Những giờ ra chơi, cô ngồi quanh đám học trò, cô buộc tóc cho từng bạn gái, bao lại từng quyển vở sút bìa cho mấy bạn nam. Hôm thẳng Tài treo cửa sổ bị té trật chân, cô công nó trên vai mà nước mắt rưng rưng, cô vẫn không quên vỗ về bảo nó nín đi, có cô đây rồi. Rồi bữa má con Hồng qua đời vì tai nạn giao thông, cô thức suốt đêm chỉ để cầm tay nó và lau những giọt nước mắt trên khuôn mặt lấm lem của nó.



Thời gian cứ thế trôi qua, từng thế hệ học trò là những vui buồn theo chân cô đến suốt cuộc đời. Ngày chia tay lớp, môi mắt đứa nào cũng lâm lem. Cô nở nụ cười với lớp, từng cái nắm tay là những kì vọng của cô dành cho mỗi bạn. Buổi chia tay kết thúc, Tâm ngồi lại cùng cô với lớp học thân yêu, cái bàn, cái ghế, viên phấn, tấm bảng đầu đầu cũng là kỉ niệm. Bước cùng cô trên con đường quen thuộc, qua từng lớp học thân quen. Mai này Tâm sẽ sang một ngôi trường khác với những bè bạn và thầy cô khác. Mà cô thì vẫn ở lại nơi này, gạn đầy những kỉ niệm yêu thương. Cô dắt tay Tâm đến cổng trường, bước thêm một bước nữa thôi, Tâm sẽ rời xa vòng tay của cô. Cô khẽ cười:

- Lên cấp 2 cố gắng học cho thật giỏi để sau này có công việc ổn định, lo lại cho ba em nghen.

Ngày cô Thắm xin nghỉ hưu sớm, Tâm còn là cô học trò cấp 3. Lúc hay tin, cô đã dọn nhà đi nơi khác, căn nhà nhỏ có giàn hoa giấy trước cửa của cô đã thay chủ. Tâm đứng tần ngần trước cổng, kí ức như ùa về, để giọt nước mắt nhẹ nhàng rơi xuống. Cô đã về đầu giữa những ngày chơi với đó. Người ta bảo, lúc cô hay tin đứa con trai duy nhất của cô bị bắt vì tội tàng trữ chất ma túy, cô còn đang say sưa trong giờ giảng bài. Cô rời lớp rồi gục khóc nức nở trong phòng giám hiệu. Những lời an ủi như trôi vào quên lãng. Cô làm đơn xin nghỉ. Bữa mang đơn cho thầy hiệu trưởng ký, đồng nghiệp của cô cứ lạng đi, mọi người khuyên thế nào cô cũng không chịu.

- Em có đứa con mà còn dạy không nổi, để nó lằm đường lạc lối vậy, thì sao em dám dạy học trò em.

Những giọt nước mắt đã rơi trong lặng im. Giây phút đấy, Tâm ước gì mình có mặt ở đó, dù chỉ lặng im cùng cô, dù chỉ ngồi

khóc cùng cô thôi, Tâm cũng thấy lòng mình vui đi phần nào day dứt. Ngày Tâm nghỉ cuộc đời như ruồng bỏ mình, thì cô là người dắt tay Tâm đi qua những gian khó đầu đời. Vậy mà, lúc cô tuyệt vọng, Tâm đâu có ở cùng cô.

Những ngày cô lặn lội từ nhà đến trung tâm cai nghiện một mình, Tâm mới chấp chững làm cô sinh viên năm nhất trường Sư phạm. Mỗi bài giảng của cô như theo chân Tâm suốt thời sinh viên, mà nỗi buồn chưa một lần gặp lại cô cứ vùi vào tim của Tâm. Người ta nói, cha mẹ sinh con trời sinh tính, những dạy dỗ của cô không thể nào giúp con cô vượt qua những cám dỗ, rủ rê của đám bạn hư gần nhà. Cuộc sống đời thường cứ trôi đi, đứa con nhỏ vụt khỏi vòng tay cô. Cô đưa biết bao thế hệ học trò sang sông, lời dạy của cô đã theo chân họ trên đường đời để thấy mình không vấp ngã. Thế nhưng, đoạn đường thăm đứa con trai chắc còn dài thăm thẳm.

Bằng trái tim bao dung của người mẹ, rất cuộc đời con của cô cũng biết quay đầu. Ngày con của cô mở cái tiệm sửa xe trước nhà, cô mừng đến khóc. Rồi cô lại dắt đứa con của mình qua những nghi kị của xóm giềng. Đứa con đóng cho cô vài cái bàn, bắc vài ba cái ghế làm thành cái quán nhỏ bên đường. Hai mẹ con cô sống bình yên sau những ngày giông bão. Nhớ nghề, cô nhận dạy kèm mấy đứa trẻ nghèo trong xóm mà chẳng hề lấy tiền. Tiệm sửa xe của con cô khách đông hơn từ bữa có bà cụ trong xóm bị đám côn đồ giật hết tiền và vé số rồi chạy mất. Anh Minh chạy ra dúi vào tay bà cụ ít tiền.

- Bà cầm đỡ nghen bà. Hôm nay con sửa xe không được nhiều.

Lúc cô đứng trong nhà lau nước mắt, anh còn bận dắt bà cụ qua đường. Mâm cơm hằng ngày, lại có thêm ít rau, củ vườn nhà được mấy đứa học trò của cô biếu. Tiệm sửa xe của anh Minh có thêm hai đứa xin vào học nghề nên cô vào ra cũng rộn rã tiếng cười. Hôm bước vào nhà tìm cô, Tâm

đứng thần người ra một lúc. Ngó thấy khách đứng với đôi mắt đỏ hoe, cô từ tốn hỏi.

- Sao vậy con? Con thấy trong mình sao mà mặt mày đỏ lừ vậy con? Để cô làm trà đường nóng cho con nghen.

Tâm òa khóc ôm cô vào lòng. Trong từng tiếng nấc có những lời thì thầm ngày xưa cô vẫn dạy.

- Con là Tâm nhà ở xóm Bần nè cô. Cô còn nhớ con không cô?

- Tâm lùn ngồi gần cửa sổ phải không con?

- Dạ, con nè cô.

Hai cô trò môi mắt rưng rưng. Thời gian đầu có ném con người ta ra xa, cái nắm tay vẫn ấm áp như ngày nào, nụ cười hiền của cô vẫn còn đó với tháng năm dài thương mến. Ngồi cùng cô giữa dòng người tấp bập ngoài kia, Tâm thấy lòng mình bình yên quá đỗi. Tâm nhắc mỗi cho cô mỗi lúc cô kể về từng đứa bạn trong lớp ngày xưa. Những câu chuyện cứ dắt Tâm và cô qua một buổi chiều im ắng. Học trò của cô đã có không ít những người thành đạt nhưng trong câu chuyện của họ vẫn còn nhắc đến cô giáo Thắm ngày nào ở vùng quê nghèo vẫn chèo đò qua sông mang cái chữ đến cho lũ trẻ nghèo. Hình ảnh của cô như còn mãi trong thanh xuân của mỗi người. Biết Tâm giờ cũng là cô giáo, cô Thắm mỉm cười.

- Em hãy dạy học trò của mình viết cho thật đẹp ba từ "Người tử tế" nhé.

Tâm chào tạm biệt cô, cái nắm tay trong chiều bịn rịn với bao nhiêu điều luyến nhớ cứ theo Tâm mãi trên suốt đoạn đường về. Cây bút cô tặng cho Tâm đã cũ dần theo năm tháng mà nét mực vẫn thơm thảo như ngày nào. Ừ thì, Tâm sẽ thay cô viết tiếp cho những điều còn dang dở. Đường về thênh thang lộng gió, Tâm nghe lòng mình phơi phới niềm vui. Lần sau khi quay lại, Tâm sẽ mang cho cô cành hoa dại vườn nhà. Loài hoa dại không biết tên mà vẫn lặng thầm tỏa hương, tận cùng dâng hiến...



Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG, TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

 K. Dung



Ngày 03/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (sau đây gọi là Nghị định 15). Trong đó, tại Điều 114, Chương VIII, Nghị định 15 quy định rõ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra. Cụ thể:

Thứ nhất, Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ có quyền:

- 1) Phạt cảnh cáo;
- 2) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

3) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

4) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c và d Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đó là: Buộc chủ thể vi phạm hành chính: Khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; và buộc tiêu hủy hàng hóa,



vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

Thứ hai, Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục Tần số vô tuyến điện, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Trung tâm Tần số khu vực có quyền: Phạt cảnh cáo; Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này; Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng như quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đặc biệt, Nghị định 15 cho phép những chủ thể Thanh tra nói trên được quyền phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin (tăng gấp đôi số tiền phạt tối đa theo quy định tương ứng tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính); bổ sung quy định phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

Thứ ba, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền: (1) Phạt cảnh cáo; (2) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần

số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 56.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử; (3) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; (4) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này; (5) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả. Đây là những nội dung mới, tăng thẩm quyền cho chủ thể là Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành nói trên.

Thứ tư, chủ thể có thẩm quyền cao nhất về xử phạt vi phạm hành chính trong Thanh tra lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử là Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện. Bên cạnh các quyền như trên, Nghị định 15 cho phép các chủ thể này có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà không cần quan tâm tới giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có vượt quá mức tiền đã xử phạt hay không. Mức xử phạt bằng tiền được quy định theo thẩm quyền của các chủ thể này cũng cao hơn đến 60.000.000 đồng so với các chủ thể là Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra. Cụ thể, Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện có

quyền phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.

Riêng đối với Thanh tra Tài chính, tại Điều 120 về phân định thẩm quyền xử phạt, Nghị định 15 quy định, cùng với cơ quan Thuế, cơ quan này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các Điều 9, 34, 56, 76, 92 và 112 Nghị định 15. Đó là các vi phạm liên quan đến các quy định về vật phẩm, hàng hóa không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính (Điều 9); Vi phạm các quy định về lập hóa đơn, doanh thu giá cước và thanh toán cước viễn thông (Điều 34); Vi phạm quy định về khuyến mại đối với dịch vụ viễn thông, hàng hóa viễn thông chuyên dùng (Điều 56); Vi phạm quy định về nhập khẩu, gia công tái chế, sửa chữa sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (Điều 76); Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (Điều 92); Vi phạm quy định về phí, lệ phí (Điều 112).

Nghị định 15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2020./.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
2. Nghị định 15/2020/NĐ-CP, ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH



Ảnh: ST

Kế hoạch công tác thanh tra năm 2020 của Thanh tra thành phố Hà Nội

Ngày 23/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ký Quyết định số 7235/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch công tác thanh tra năm 2020 của Thanh tra thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Thành phố). Theo đó, kế hoạch tập trung vào 4 nội dung chính sau:

1. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC)

Kế hoạch đưa ra 4 mặt công tác là: (1) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân và KNTC; (2) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn; (3) Công tác giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền Chánh Thanh tra Thành phố và thực hiện xác minh các vụ KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND Thành phố; (4) Tăng cường kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; công tác quản lý nhà nước.

Kế hoạch của Thanh tra TP Hà Nội nêu rõ, cần duy trì, tổ chức tốt công tác tiếp công dân tại trụ sở cơ quan Thanh tra Thành phố, tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo cơ quan. Phối hợp với Ban Tiếp công dân Thành phố trong việc phục vụ lãnh đạo UBND Thành phố tiếp công dân định kỳ hàng tháng. Đồng thời, phối hợp với Ban Tiếp công dân Trung ương Đảng; Ban Tiếp công dân Thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Công tác giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền Chánh Thanh tra Thành phố, cần giải quyết kịp thời, có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật đối với các vụ KNTC thuộc thẩm quyền; xác minh, báo cáo các vụ KNTC được UBND Thành phố giao, phần đầu giải quyết trên 90% các vụ việc được giao; thực hiện tốt các quyết

định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 80%.

2. Công tác thanh tra hành chính

Về công tác thanh tra hành chính, theo Kế hoạch của Thanh tra TP Hà Nội sẽ có các cuộc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, KNTC, phòng, chống tham nhũng (PCTN) của Giám đốc sở và Chủ tịch UBND cấp huyện; Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ban, ngành Thành phố, tập trung vào những nội dung quan trọng, lĩnh vực dư luận xã hội quan tâm; Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND quận, huyện, thị xã, tập trung công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường, đầu tư xây dựng, tài chính, ngân sách, chương trình mục tiêu quốc gia.



Đặc biệt, thanh tra vụ việc do Chủ tịch UBND Thành phố giao, thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; thanh tra lại tính chính xác, khách quan các kết luận thanh tra của sở, UBND huyện; Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh tra; điều phối hoạt động của các cơ quan thanh tra sở, thanh tra huyện trong Thành phố nhằm tránh chồng chéo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra.

3. Công tác PCTN

Tại nội dung này, kế hoạch đưa ra 7 yêu cầu chi tiết, trong đó chú trọng đến việc tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch của UBND Thành phố triển khai Luật PCTN, các chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy về công tác PCTN; Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp PCTN, nhất là công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; Gắn công tác PCTN với công tác thanh tra, giải quyết KNTC, thanh tra, kiểm tra các vụ việc vi phạm có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực và xác minh đơn tố cáo tham nhũng theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong phát hiện, xử lý tham nhũng.

4. Công tác xây dựng lực lượng ngành Thanh tra

Đây là công tác hết sức quan trọng, do vậy, Kế hoạch nêu rõ, cần tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010 và Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT- TTCP-BNV ngày 08/9/2014 của Bộ Nội vụ và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Qua đó, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra; xây dựng cơ quan thanh tra trong sạch, vững mạnh,

đội ngũ cán bộ thanh tra có năng lực, trình độ, trách nhiệm, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Đặc biệt, phát động, triển khai tổ chức có hiệu quả các đợt thi đua của Thành phố, Thanh tra Chính phủ; tổ chức các phong trào thi đua, lập thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2020, thiết thực kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thanh tra (23/11/1945 - 23/11/2020).

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/12/2019.

Công tác kiểm sát và giải quyết đơn KNTC trong hoạt động tư pháp năm 2020

Ngày 06/01/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao đã ký ban hành Hướng dẫn số 06/HD-VKSTC về công tác kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo (KNTC) trong hoạt động tư pháp năm 2020 (sau đây gọi là Hướng dẫn 06).

Cụ thể, Hướng dẫn 06 nêu ra 4 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện là: (1) Lãnh đạo VKSND các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018, quy định phối hợp trong việc báo cáo, thông báo kết quả giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp và Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018, quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về KNTC; Quy định về quy trình giải quyết KNTC; kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật và kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp; (2) Nâng cao trách nhiệm của Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp; (3) Chú trọng thực hiện công tác giải quyết

KNTC trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền đảm bảo thời hạn, đúng quy định; tăng cường công tác đối thoại trong giải quyết khiếu nại; giải quyết dứt điểm các vụ việc KNTC kéo dài, có dấu hiệu oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm; (4) Năm 2020, tiếp tục xác định khâu công tác đột phá là kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp. Đảm bảo các chỉ tiêu, chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp.

Bên cạnh những nhiệm vụ trọng tâm trên, Hướng dẫn 06 còn nêu 5 nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý, quản lý đơn

VKSND các cấp phải tăng cường công tác tiếp công dân, gắn công tác tiếp công dân với trách nhiệm giải quyết KNTC; tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013 và quy chế, quy định của ngành.

Đơn vị Kiểm sát và giải quyết đơn KNTC trong hoạt động tư pháp của VKSND các cấp (đơn vị 12) chịu trách nhiệm trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện các buổi tiếp, đối thoại với công dân của lãnh đạo VKSND cấp mình. Đơn vị 12 của VKSND các cấp quản lý chặt chẽ đơn từ các nguồn gửi đến VKSND cấp mình, kịp thời xử lý ngay sau khi tiếp nhận, đảm bảo thời hạn giải quyết KNTC và kiểm sát việc giải quyết vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của VKSND cấp mình.

2. Công tác giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền

VKSND các cấp thực hiện đúng quy định tại Quy chế số 51 ngày 02/02/2016 về việc phân công trách nhiệm đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trong việc tham mưu giúp Viện trưởng VKSND cấp mình giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền. Qua giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền, nêu phát hiện dấu hiệu oan, sai



hoặc bỏ lọt tội phạm, cần phải hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại (nếu là giải quyết lần 2), hủy bỏ hoặc yêu cầu hủy bỏ quyết định tố tụng trái pháp luật để giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời khắc phục vi phạm.

3. Công tác kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật

Đối với trường hợp đơn đề nghị xem xét quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật đủ điều kiện được xem xét lại theo Điều 14 Quy chế số 51, đơn vị 12 có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo VKSND cấp mình yêu cầu Viện kiểm sát cấp dưới báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại để tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy trình số 546. Công tác kiểm tra ở Viện kiểm sát mỗi cấp phải đạt từ 70% trở lên.

Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra chéo giữa các đơn vị nghiệp vụ về việc thực hiện trách nhiệm tham mưu kiểm sát và giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp

của VKSND cấp mình theo Quy chế số 51, kịp thời phát hiện vi phạm, sai sót để có biện pháp khắc phục, rút kinh nghiệm. Qua kiểm tra, nếu phát hiện dấu hiệu oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, cần phải hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật và yêu cầu hủy bỏ quyết định tố tụng trái pháp luật để giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời khắc phục vi phạm.

4. Công tác kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp

VKSND các cấp thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục tiến hành kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 02 và Quy trình số 546 của ngành, hoàn thành các chỉ tiêu về kiểm sát trực tiếp và kiểm sát vụ việc theo quy định.

Mỗi cấp kiểm sát phải thực hiện kiểm sát từ 70% trở lên số vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết; kết thúc việc kiểm sát phải ban hành văn bản thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát về

vụ việc được kiểm sát; lãnh đạo VKSND các cấp cần có biện pháp chỉ đạo để các đơn vị nghiệp vụ liên quan và Văn phòng phối hợp chặt chẽ với đơn vị 12 trong việc tiếp nhận thông tin về việc thụ lý, giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp cùng cấp.

5. Công tác kiểm tra, báo cáo

VKSND các cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan cùng cấp trong việc báo cáo, thông báo về công tác giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01, kịp thời cung cấp số liệu đảm bảo chính xác; đơn vị 12 có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp thuộc Viện kiểm sát các cấp để quản lý kết quả kiểm sát việc giải quyết KNTC của các đơn vị này, phục vụ cho việc xây dựng báo cáo Quốc hội của Viện trưởng VKSND tối cao hoặc các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền./.

Quỳnh An



Ảnh: Trần Chính



Thiết chế chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Mỹ

 TS. Nguyễn Anh Hùng

Viện Nghiên cứu châu Mỹ



Ảnh: ST

Công cuộc phòng, chống tham nhũng ở Mỹ nhận được sự ủng hộ rộng rãi và tham gia tích cực của nhiều tổ chức, công dân trong hệ thống chính trị liên bang, với Cơ quan Đạo đức Chính phủ là thiết chế giữ vai trò chỉ đạo. Dưới đây là những tìm hiểu, phân tích, chứng minh, đánh giá về bộ máy, chức năng, thẩm quyền và hoạt động của thiết chế hàng đầu này.

Ở cả ba cấp chính quyền (liên bang, bang, địa phương) và ba ngành quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp), Mỹ đều có các cơ quan, tổ chức phòng, chống tham nhũng riêng biệt, độc lập, nhưng thiết chế quan trọng nhất, có vị thế cao nhất và lãnh đạo công cuộc phòng, chống tham nhũng

trên toàn lãnh thổ liên bang chính là Cơ quan Đạo đức Chính phủ Mỹ (U.S. Office of Government Ethics - OGE). OGE được thành lập theo Đạo luật Đạo đức trong Chính phủ (Ethics in Government Act - EGA) ban hành cuối năm 1978. Thập niên đầu tiên, OGE trực thuộc Văn phòng Quản lý và Ngân sách của Chính phủ liên bang; nhưng từ ngày 01/10/1989, được tách ra thành thiết chế độc lập, trực thuộc Chính phủ liên bang.

Tổ chức bộ máy

Đứng đầu OGE là *Giám đốc OGE* (The Director of OGE) do Tổng thống bổ nhiệm sau khi có sự đề cử (của chính Tổng thống hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan quyền lực khác) và được Thượng viện phê chuẩn. Nhiệm kỳ giám đốc OGE là 5 năm và không bị giới hạn số nhiệm kỳ (nhưng thực tế, tính đến nay, chỉ có Giám đốc Stephen Potts

được tái bổ nhiệm và giữ quyền lãnh đạo OGE thời kỳ 1990 - 2000, còn đa số các Giám đốc OGE khác đều cầm quyền chưa hết 1 nhiệm kỳ, dù không ai bị bãi nhiệm). Giám đốc OGE chịu trách nhiệm trước Tổng thống. Nếu không được Thượng viện chấp thuận thì Tổng thống không thể bãi nhiệm Giám đốc OGE. Về vị thế cấp bậc, do OGE là thiết chế trực thuộc Chính phủ như các bộ, nhưng quy mô, biên chế lại nhỏ hơn nhiều mỗi bộ, nên Giám đốc OGE có vị trí thấp hơn bộ trưởng, chỉ ngang thứ trưởng, tương đương với Giám đốc Cục Điều tra liên bang (thuộc Bộ Tư pháp) và Chủ tịch Ủy ban Thương mại liên bang (cũng là một cơ quan độc lập thuộc Chính phủ). Giám đốc OGE lãnh đạo, điều hành đơn vị mình, thực hiện 15 nhóm chức năng, nhiệm vụ liên quan quy định trong EGA và các công việc



khác mà Tổng thống, Quốc hội ủy nhiệm, giao phó. Giám đốc hiện nay là Emory Rounds (ông nhậm chức ngày 02/8/2018 sau khi được Tổng thống Donald Trump đề cử và bổ nhiệm).

Dưới Giám đốc OGE là 6 bộ phận khác, bao gồm:

Văn phòng Giám đốc (The Office of the Director - OD) có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc OGE, định hướng chung cho chương trình đạo đức ngành hành pháp và đảm bảo OGE hoàn thành các việc mà Tổng thống, Quốc hội giao phó.

Vụ Cố vấn tổng hợp và Chính sách pháp lý (The Office of General Counsel and Legal Policy Division - GCLPD) có trách nhiệm: (1) Thiết lập và duy trì khung pháp lý cho chương trình đạo đức ngành hành pháp; (2) Hỗ trợ Tổng thống và Thượng viện trong quy trình bổ nhiệm quan chức liên bang của Tổng thống; và (3) Quản lý chương trình công khai tài chính của quan chức liên bang khi đương nhiệm. Trong GCLPD có Phòng Luật pháp và Chính sách, Phòng Đề cử Tổng thống, Phòng Công khai tài sản khi đương nhiệm.

Vụ Cố vấn Chương trình (The Program Counsel Division - PCD) có trách nhiệm: (1) Điều phối và tiến hành tiếp xúc giữa OGE với nhiều bên liên quan như Quốc hội, Văn phòng Quản lý & Ngân sách, các nhóm theo dõi Chính phủ, và công chúng; (2) Phát triển và hỗ trợ đào tạo đạo đức công vụ cho các quan chức; (3) Thực hiện những sáng kiến tiếp cận các chi nhánh hành pháp; (4) Cung cấp trợ giúp pháp lý cho OGE; (5) Quản lý những chương trình về ngân sách, hiệu suất và lập quy của OGE; và (6) Hỗ trợ các quan chức trong việc thực hiện chương trình đào tạo đạo đức ngành hành pháp. Trong PCD có Phòng Pháp lý, Đối ngoại và Hiệu suất, Phòng Hỗ trợ Chi nhánh hành pháp.

Vụ Tuân thủ (The Compliance Division - CD) có trách nhiệm: (1) Theo dõi và xem xét các chương trình đạo đức của đơn vị để đảm bảo tuân thủ những yêu cầu đạo đức áp dụng được thiết lập bởi các đạo luật, quy tắc, quy định và lệnh hành pháp; (2) Đảm

bảo các yếu tố quản lý của chương trình công khai tài chính; và (3) Hỗ trợ những hoạt động hành chính của OGE. Trong CD có Phòng Đánh giá chương trình, Phòng Hoạt động hành chính.

Vụ Hỗ trợ quốc tế và Sáng kiến quản trị (The Office of International Assistance and Governance Initiatives - OIAGI) có trách nhiệm đảm trách những dự án liên kết quốc tế của OGE, hợp tác phòng, chống tham nhũng và nâng cao mức độ liêm khiết của chính quyền các quốc gia trên toàn thế giới.

Vụ Công nghệ Thông tin (The Information Technology Division - ITD) chịu trách nhiệm duy trì những hệ thống, thiết bị và bảo mật công nghệ thông tin của OGE, cũng như khởi tạo và vận hành các ứng dụng mạng.

Hiện nay, OGE có biên chế hơn 80 nhân viên - chủ yếu là luật sư và chuyên gia kinh tế, xã hội. Ngân sách hoạt động hàng năm khoảng 17 triệu USD.

Hệ thống chức năng và nhiệm vụ

OGE có những chức năng và nhiệm vụ cơ bản sau: (1) Thiết lập các nguyên tắc, tiêu chuẩn ứng xử và đạo đức cho ngành hành pháp. Soạn thảo, ban hành những quy phạm hành vi đạo đức của nhân viên, quan chức làm việc trong cơ quan hành chính. Xét duyệt các quy tắc phụ về hành vi đạo đức do những chi nhánh, ban ngành hành pháp đặt ra. (2) Ban hành những quy tắc, quy định giải thích pháp lý về xung đột lợi ích, phòng, chống tham nhũng. (3) Thiết lập khuôn khổ, giám sát tình hình thực hiện khai báo tài sản công khai và bí mật của quan chức chính quyền. (4) Phát triển các chương trình giáo dục và đào tạo đạo đức ngành hành pháp cho nhân viên, quan chức làm việc trong cơ quan hành chính. Đảm nhiệm việc giảng dạy, hướng dẫn, lý giải và xem xét, hỗ trợ nhu cầu, đề nghị liên quan của nhân viên, quan chức hành chính. (5) Hỗ trợ Tổng thống và Thượng viện trong quy trình đề cử, phê chuẩn, bổ nhiệm quan chức cao cấp trong chính quyền bằng việc thẩm xét lý lịch và hoạt động, quan hệ của những quan chức đó, xem họ có để xảy ra sự xung đột lợi ích giữa mình với chính

quyền (giữa tư với công - nguồn gốc cơ bản của tham nhũng) hay không. (6) Tuyên truyền, phổ biến, thu hút người dân tham gia phòng, chống tham nhũng và giám sát sự liêm khiết của chính quyền.

Phương thức hoạt động và ảnh hưởng

Dù là cơ quan có cấp bậc không cao, quy mô nhỏ với số phòng ban và nhân viên không nhiều như các bộ, lại không quản lý đạo đức cùng những vấn đề liên quan của Quốc hội, Tòa án Tối cao liên bang, chính quyền bang và địa phương, không nắm quyền ngoại giao, không lãnh đạo lực lượng vũ trang... nhưng OGE có thực quyền rất lớn, hoạt động đa dạng và quan hệ sâu rộng. Là thiết chế cao nhất về đạo đức công vụ và phòng, chống tham nhũng, hiện nay OGE (trong lĩnh vực của mình) được quyền và chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ ngành hành pháp liên bang Mỹ, bao gồm cả Tổng thống, Phó Tổng thống, các bộ trưởng, những chủ tịch, giám đốc hành pháp cùng hơn 4 triệu công chức Mỹ. OGE có các hoạt động và quan hệ cơ bản sau:

Giám sát và thẩm tra

Mỗi bộ ngành trong Chính phủ liên bang đều có thiết lập văn phòng đạo đức công chức, giám đốc văn phòng đó do bộ trưởng hoặc cấp lãnh đạo tương đương bổ nhiệm. OGE sử dụng cách thức thẩm duyệt định kỳ để giám sát sự vận hành những chương trình đạo đức công vụ của các bộ ngành. Nhà nước liên bang Mỹ tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tam quyền phân lập nên OGE chỉ có quyền quản lý đạo đức công vụ những cơ quan hành pháp liên bang. Ngành lập pháp (đứng đầu là Quốc hội) và tư pháp (đứng đầu là Tòa án Tối cao) liên bang có riêng các cơ quan đạo đức và phòng, chống tham nhũng của họ. Chính quyền bang và địa phương cũng vậy, không hoặc ít chịu sự quản lý, chi phối của OGE.

Cứ 4 năm một lần, OGE lại cử nhân viên thẩm tra đến các cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ liên bang để tiến hành xem xét, kiểm tra tình hình thực thi quy phạm đạo đức và phòng, chống tham



những. OGE có nhiều nhân viên thẩm tra, mỗi người được phụ trách 3 - 4 đơn vị. Khi thẩm tra xong mỗi đơn vị, họ gửi báo cáo thẩm tra tới Văn phòng, Ủy ban đạo đức của đơn vị đó. Sau thẩm tra, nếu phát hiện vấn đề gì tiêu cực thì Giám đốc OGE có quyền ra lệnh, buộc đơn vị phải khắc phục, sửa chữa khuyết điểm trong một thời hạn nhất định và trong 60 ngày phải báo cáo tình hình cụ thể. Trong vòng 6 tháng sau khi gửi báo cáo thẩm tra, OGE phải tiến hành tái thẩm tra tình hình khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của đơn vị này. Nếu thiết chế hành pháp liên bang nào đó có thể để xảy ra vấn đề tiêu cực nghiêm trọng về đạo đức hoặc tham nhũng thì OGE được tiến hành thẩm tra bất cứ lúc nào, chứ không cần định kỳ 4 năm một lần.

Ngoài Văn phòng Đạo đức công chức, mỗi bộ ngành liên bang còn có Văn phòng Thanh tra, phụ trách giải quyết, xử lý những vụ việc vi phạm trong bộ ngành mình. Nếu phát hiện quan chức nào vi phạm đạo đức hoặc tham nhũng, OGE có quyền thông báo cho Chánh Thanh tra của bộ ngành có quan chức đó và đưa ra yêu cầu điều tra. Nếu yêu cầu này bị từ chối, OGE có thể báo cáo thẳng lên Văn phòng Nhà Trắng hoặc đích thân Tổng thống (cho dù trên thực tế, tính đến nay rất hiếm xảy ra vụ việc như vậy). Còn đối với vụ việc nghiêm trọng tới mức phạm tội hình sự, OGE sẽ chuyển hồ sơ tới Vụ Liêm chính công thuộc Cục Hình sự của Bộ Tư pháp hoặc Cục Điều tra liên bang để họ khởi tố, điều tra và truy tố.

Giáo dục và đào tạo

Những công chức mới được tuyển dụng, dù ở cơ quan, tổ chức hành pháp liên bang nào và có cấp bậc cao thấp ra sao, đều phải tiếp thu chương trình đào tạo, huấn luyện của OGE. Vai trò, vị trí khác nhau thì thời gian đào tạo khác nhau, nhưng ít nhất mỗi lần không được dưới 1 giờ. Các quan chức cần khai báo tài sản công khai hoặc bí mật hàng năm còn phải tham dự, tiếp thu đào tạo thêm ngoài quy định. OGE cũng thực hiện đào tạo qua mạng cho những công chức phổ thông. Hơn nữa, khoảng 1.400 quan chức cao cấp nhất của Chính phủ - những người mà sau khi

được đề cử và trước khi được Tổng thống bổ nhiệm, cần phải có sự phê chuẩn của Thượng viện - còn phải tham dự, tiếp thu đào tạo đối diện trực tiếp một thầy một trò. Việc giáo dục đạo đức liêm chính trên mạng liên bang thực hiện ít nhất mỗi năm 1 lần, thường giáo dục về các chuẩn mực đạo đức công vụ, nguyên tắc pháp lý, biện pháp phòng ngừa tham nhũng, sa ngã... và nhìn chung, đều dùng cách thức trả lời qua mạng để kiểm tra kết quả đào tạo, học tập. Công chức liên bang nào chưa sát hạch qua mạng thì phải dự phụ đạo trực tiếp một thầy một trò, cho đến khi đạt yêu cầu sát hạch mới thôi. Nhằm thực tiễn hóa và gia tăng hiệu quả giáo dục, sau mỗi chủ đề về đạo đức và phòng, chống tham nhũng, sẽ có một vài ví dụ tiêu biểu để học viên hiểu cụ thể, sâu rộng hơn. Ngoài ra, cứ 12 - 18 tháng, OGE lại tổ chức một đại hội toàn quốc, hơn 600 đại diện phụ trách công tác đạo đức và phòng, chống tham nhũng trên toàn liên bang về dự.

Liên kết quốc tế

Trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức đối ngoại thuộc Chính phủ, OGE được coi là một thiết chế phòng, chống tham nhũng rộng lớn nhất. Ngoài hoạt động chia sẻ, hỗ trợ tích cực ngành lập pháp, tư pháp liên bang cùng các chính quyền bang và địa phương Mỹ, OGE cũng liên kết, trợ giúp phòng, chống tham nhũng cho rất nhiều chính quyền, tổ chức nước ngoài, bằng cả phương thức trực tiếp lẫn gián tiếp, theo các quy trình song phương hoặc đa phương... Những hoạt động liên kết quốc tế phổ biến của OGE là chia sẻ, phát triển chương trình đạo đức công vụ và kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng; kỹ thuật soạn thảo, ban hành quy định phòng, chống tham nhũng; biện pháp giám sát và kiểm tra hành vi tham nhũng; tham khảo, trao đổi thông tin và trợ giúp đào tạo nhân lực, nghiệp vụ phòng, chống tham nhũng...

Đồng thời, OGE đã thúc đẩy chính quyền Mỹ sớm gia nhập Công ước Liên Hợp Quốc về Phòng, chống tham nhũng (United Nations Convention against Corruption - UNCAC: Công ước này được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 31/10/2003,

bắt đầu có hiệu lực ngày 14/02/2005, Mỹ tham gia từ ngày 9/12/2003), đồng thời tham gia tích cực, liên kết chặt chẽ với các tổ chức phòng, chống tham nhũng toàn cầu, đặc biệt là Trung tâm Phòng, chống tham nhũng quốc tế đặt tại London, Anh, được thành lập từ giữa năm 2016 bởi hơn 40 quốc gia, tổ chức quốc tế ở châu Âu và trên thế giới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Thành Chung, Đạo luật chống tham nhũng FCPA (Hoa Kỳ): Chặn những thương vụ "đi đêm" giữa doanh nghiệp Mỹ và quan chức các nước, <https://phaply.vn/dao-luat-chong-tham-nhung-fcpa-hoa-ky-chan-nhung-thuong-vu-di-dem-giua-doanh-nghiep-my-va-quan-chuc-cac-nuoc/>.
2. Đường Dũng & Nguyễn Hải Hoàn, Vì sao quan chức Mỹ khó có cơ hội tham nhũng?, <https://nghiencuuquocte.org/2015/12/08/quan-chuc-my-kho-tham-nhung/>.
3. Nguyễn Văn Thịnh & Nguyễn Thị Bích Hạnh, Phòng, chống tham nhũng có yếu tố nước ngoài: Đạo luật của Hoa Kỳ và một số gợi ý cho Việt Nam, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 11 (419), tháng 11/2017.
4. US Code, The Chapter 2B of the Title 15, <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2012/11/14/fcpa-english.pdf>.
5. House Committee on Interstate and Foreign Commerce, H.R. Rep. 95-640 REPORT together with MINORITY VIEWS To accompany H.R.3815, 2 8 / 9 / 1 9 7 7 , <https://www.justice.gov/sites/default/files/criminal-fraud/legacy/2010/04/11/houseprt-95-640.pdf>.
6. U.S. Securities and Exchange Commission, SEC Enforcement Actions: FCPA Case, <https://www.sec.gov/spotlight/fcpa/fcpa-cases.shtml>.
7. Criminal Division of the U.S. Department of Justice and the Enforcement Division of the U.S. Securities and Exchange Commission, A Resource Guide to the FCPA U.S. Foreign Corrupt Practices Act, 14/11/2012, <https://www.sec.gov/spotlight/fcpa/fcpa-resource-guide.pdf>.
8. U.S. Office of Government Ethics, About OGE, <https://oge.gov/web/oge.nsf/About+OGE/>.
9. Jock Pan, The United States Outer executive Departments and Independent Federal Agencies, Xlibris Corporation, 2010.
10. Michael Seitzinger, Foreign Corrupt Practices Act (FCPA): Congressional Interest and Executive Enforcement, Congressional Research Service, 1 5 / 3 / 2 0 1 6 , <https://fas.org/sgp/crs/misc/R41466.pdf>.

CHI BỘ KIỂM SOÁT - KIỂM SOÁT NỘI BỘ PV GAS tổ chức Đại hội điểm nhiệm kỳ 2020 - 2022



Phát biểu tuyên dương và chỉ đạo Đại hội của lãnh đạo Đảng cấp trên

Ngày 12 tháng 2 năm 2020, Chi bộ Kiểm soát - Kiểm soát nội bộ (KS-KSNB) thuộc Đảng bộ Cơ quan Điều hành (CQĐH) Tổng công ty Khí Việt Nam - PV GAS tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ 2 nhiệm kỳ 2020 - 2022. Đây là đại hội chi bộ cơ sở điểm của Đảng bộ PV GAS trong chuỗi tổng kết đảng các cấp, hướng đến Đại hội đại biểu Đảng bộ PV GAS lần thứ XIII - năm 2020.

Về dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Nguyễn Sỹ Đàm - Ủy viên BCH Đảng bộ Tổng công ty - Chánh văn phòng Đảng ủy Tổng công ty và đồng chí Trần Đức Sơn - Ủy viên BTV Đảng ủy Tổng công ty, Ủy viên BCH Đảng bộ CQĐH TCT, Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự. Tham dự đại hội có đầy đủ 11 đảng viên của Chi bộ với Bí thư Chi bộ là đồng chí Phạm Anh Tuấn, Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PV GAS; các đảng viên tiêu biểu của Chi bộ như: đồng chí Nguyễn

Sinh Khang - Bí thư Đảng ủy PV GAS, Chủ tịch HĐQT PV GAS, các đồng chí thành viên HĐQT PV GAS: Phan Quốc Nghĩa và Võ Thị Thanh Ngọc, Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS Mai Hữu Ngạn, UV Ban Chấp hành Đảng ủy CQĐH - kiểm soát viên ban Kiểm soát PV GAS Hồ Thị Ái Thanh...

Chi bộ Kiểm soát - Kiểm soát nội bộ được thành lập từ ngày 19/01/2016 với tổng số đảng viên đang sinh hoạt là 11 đồng chí (11 đảng viên chính thức). Trong nhiệm kỳ vừa qua, hoạt động của Chi bộ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy CQĐH Tổng công ty và Đảng ủy Tổng công ty. Các Đảng viên trong Chi bộ một số năm giữ vị trí quan trọng trong tổ chức Đảng cấp trên (Bí thư, UVTV, UVBCH Đảng bộ) và trong Chính quyền (Chủ tịch, TVHĐQT, Ban KS, KSNB) nên về nhận thức, quan điểm chính trị, tư tưởng luôn vững vàng, nghiêm túc chấp hành và thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên và nhiệm vụ của Chi bộ. Đảng viên

trong Chi bộ có trình độ, kinh nghiệm trong công việc, có tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc, xác định rõ mục tiêu quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Tổng công ty và xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh. Xác định nhiệm vụ của Chi bộ cơ sở là hạt nhân chính trị, lãnh đạo trong doanh nghiệp nhà nước thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy CQĐH TCT, Đảng ủy TCT và HĐQT cùng với sự nỗ lực của toàn thể đảng viên, Chi bộ đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao, nhiệm vụ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2017 - 2020 đã đề ra.

Đối với nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị TCT, HĐQT hoàn thành xuất sắc chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS đã góp phần trong việc hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, tuân thủ



Bầu chọn các đảng viên uy tín vào cấp ủy



Chúc mừng Chi ủy của Chi bộ KS-KSNB trong nhiệm kỳ mới

quy định của pháp luật, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của PV GAS. Đối với nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát nội bộ đều đã thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo chức trách được Điều lệ quy định và ĐHĐCĐ giao.

Về công tác xây dựng Đảng, Chi bộ luôn bám sát các yêu cầu đổi mới nội dung, chất lượng sinh hoạt Đảng, quản lý Đảng viên; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo đến cán bộ, Đảng viên, quần chúng. Chi bộ tăng cường phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; nâng cao ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Chi bộ đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo mọi mặt hoạt động, cụ thể là công tác chính trị tư tưởng tạo được sự thống nhất ý chí và hành động; công tác tổ chức, cán bộ được thực hiện đồng bộ, đúng quy trình, quy định và đạt kết quả tốt; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả; công tác dân vận và lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên chú trọng. Việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng có nhiều sáng tạo, tạo được sự

chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của đa số cán bộ, đảng viên trong Chi bộ. Những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ qua có nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng ủy và lãnh đạo Tổng công ty, của Đảng ủy Cơ quan Điều hành Tổng công ty. Sự đoàn kết, nhạy bén, sáng tạo, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy và tập thể lãnh đạo Tổng công ty; sự nỗ lực phấn đấu, vượt khó khăn của cả hệ thống chính trị và toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Chi bộ.

Đại hội Chi bộ đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến cho các báo cáo: Góp ý cho văn kiện Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty và văn kiện Đại hội Đảng bộ Cơ quan Điều hành Tổng công ty. Đại hội cũng bầu ra Chi ủy Chi bộ mới để điều hành hoạt động của Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022 và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Chi bộ KS-KSNB cũng như các tổ chức đoàn thể trong Chi bộ. Kết quả, Chi bộ đã có Chi ủy mới gồm 3 đồng chí (2 nữ): đồng chí Phạm Anh Tuấn - Bí thư, đồng chí Hồ Thị Ái Thanh - Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Hồng Hà - Chi ủy viên.

Thay mặt cho cấp ủy khóa mới, Bí thư Phạm Anh Tuấn đã phát biểu hứa với toàn Chi bộ: Cấp ủy khóa mới sẽ nỗ lực hết mình để lãnh đạo Chi bộ KS-KNB thực hiện thành công Nghị quyết nhiệm kỳ 2020 - 2022.

Đại hội cũng đã bầu danh sách Đại biểu Chi bộ giới thiệu để Đại hội Đảng bộ Cơ quan Điều hành Tổng công ty bầu dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tổng công ty.

Sau một buổi làm việc tích cực, khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp những ý kiến vào kết quả cũng như những tồn tại trong quá trình thực hiện nghị quyết của chi bộ trong nhiệm kỳ qua và làm rõ hơn những giải pháp trong công tác xây dựng Đảng, lãnh đạo công tác chuyên môn và công tác lãnh đạo các đoàn thể, chính trị xã hội trong nhiệm kỳ tới. Đại hội thể hiện mong muốn và tin tưởng từng cấp ủy viên sẽ phấn đấu rèn luyện về mọi mặt để thực sự là những người lãnh đạo có tâm huyết, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ./.